

UBND TỈNH QUẢNG NAM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG NAM  
KHOA: KẾ TOÁN- TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Tên đề tài: KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ  
TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN  
AN THỊNH

Sinh viên thực hiện

**Nguyễn Thị Thuỳ Liễu**

MSSV: 1311040632

**Chuyên ngành: Kế Toán**

KHÓA 2011 – 2014

Cán bộ hướng dẫn

**ThS. Nguyễn Thị Thắm**

MSCB:.....



*Quảng Nam, tháng 04 năm 2014*

## CÁC TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG

Ký hiệu	Nội dung
CPSX	Chi phí sản xuất
CPNVLTT	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
CPNCTT	Chi phí nhân công trực tiếp
CPSDMTC	Chi phí sử dụng máy thi công
CPSXC	Chi phí sản xuất chung
GTGT	Giá trị gia tăng
TSCĐ	Tài sản cố định
TK	Tài khoản
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
PC	Phiếu chi
TNDTMN	Thanh niên dân tộc miền núi

## DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Trình tự kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	13
Sơ đồ 1.2: Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....	15
Sơ đồ 1.3: Trình tự kế toán sử dụng máy thi công.....	18
Sơ đồ 1.4: Trình tự kế toán sản xuất chung.....	21
Sơ đồ 1.5: Trình tự kế toán tập hợp chi phí sản xuất.....	24
Sơ đồ 2.1: Mô hình sản xuất.....	35
Sơ đồ 2.2: Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm.....	36
Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty.....	37
Sơ đồ 2.4: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	39
Sơ đồ 2.5: Hình thức chứng từ ghi sổ.....	41

## DANH MỤC CÁC BẢNG SỬ DỤNG

Bảng 2.1: Danh sách các cổ đông sáng lập .....	31
Bảng 2.2: Báo cáo kết quả hoạt động của công ty .....	33
Bảng 2.3: Phiếu đề nghị xuất vật tư .....	46
Bảng 2.4: Phiếu xuất kho.....	47
Bảng 2.5: Phiếu đề nghị xuất vật tư .....	48
Bảng 2.6: Hóa đơn giá trị gia tăng.....	49
Bảng 2.7: Phiếu nhập xuất thẳng.....	50
Bảng 2.8: Phiếu đề nghị hạch toán .....	51
Bảng 2.9: Bảng tổng hợp vật tư xuất dùng thi công công trình Trường TNĐTMN Nam Giang.....	52
Bảng 2.10: Chứng từ ghi sổ.....	53
Bảng 2.11: Chứng từ ghi sổ.....	54
Bảng 2.12: Chứng từ ghi sổ.....	55
Bảng 2.13: Sổ cái.....	56
Bảng 2.14 : Bảng chấm công.....	60
Bảng 2.15: Bảng chấm công.....	61
Bảng 2.16: Bảng chấm công.....	62
Bảng 2.17: Bảng thanh toán tiền lương .....	63
Bảng 2.18: Chứng từ ghi sổ.....	64
Bảng 2.19: Chứng từ ghi sổ.....	64
Bảng 2.20: Sổ cái.....	65
Bảng 2.21: Bảng tính lương BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho công nhân điều khiển máy thi công .....	67
Bảng 2.22: Bảng tính khấu hao tài sản cố định .....	67
Bảng 2.23: phiếu đề nghị xuất vật tư.....	68
Bảng 2.24: Phiếu xuất kho.....	69
Bảng 2.25: Phiếu chi tiền mặt.....	70
Bảng 2.26: Chứng từ ghi sổ.....	71
Bảng 2.27: Chứng từ ghi sổ.....	71

Bảng 2. 28: Sổ cái.....	72
Bảng 2.29: Phiếu xuất kho.....	73
Bảng 2.30: Bảng tính khấu hao và phân bổ khấu hao TSCĐ cho công trình Trường TNDTMN Nam Giang .....	74
Bảng 2.31: Hóa đơn GTGT .....	75
Bảng 2.32: Phiếu chi tiền mặt.....	76
Bảng 2.33: Bảng tổng hợp chi phí khác bằng tiền mặt .....	77
Bảng 2.34: Bảng chấm công.....	78
Bảng 2.35: Bảng thanh toán tiền lương.....	78
Bảng 2.36: Bảng tính BHXH,BHYT,BHTN, KPCĐ.....	79
Bảng 2.37: Chứng từ ghi sổ.....	79
Bảng 2.38: Chứng từ ghi sổ.....	80
Bảng 2.39: Sổ cái.....	81
Bảng 2.40: Bảng tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh.....	82
Bảng 2.41: Chứng từ ghi sổ.....	83
Bảng 2.42: Chứng từ ghi sổ.....	83
Bảng 2.43: Sổ cái.....	84
Bảng 2.44: Thẻ tính giá thành .....	86

## MỤC LỤC

<b>A. PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Lý do chọn đề tài: .....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu:.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:.....	2
4. Nội dung và phương pháp nghiên cứu: .....	3
5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.....	5
6. Cấu trúc của chuyên đề.....	6
<b>B. PHẦN NỘI DUNG</b> .....	7
<b>Chương 1: CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ TỔNG QUAN TÀI LIỆU VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẬP</b> .....	7
<b>1.1 Cơ sở khoa học về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp</b> .....	7
<i>1.1.1 Khái niệm và phân loại chi phí sản xuất</i> .....	7
1.1.1.1 Khái niệm chi phí sản xuất.....	7
1.1.1.2 Phân loại chi phí sản xuất.....	7
<i>1.1.2 Khái niệm và phân loại giá thành sản phẩm</i> .....	8
1.1.2.1 Khái niệm giá thành sản phẩm.....	8
1.1.2.2 Phân loại giá thành sản phẩm.....	8
<i>1.1.3 Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm</i> .....	9
<i>1.1.4 Nhiệm vụ kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm</i> .....	9
<i>1.1.5 Đối tượng , phương pháp tập hợp chi phí sản xuất</i> .....	10
1.1.5.1 Khái niệm.....	10
1.1.5.2 Căn cứ để xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.....	10
1.1.5.3 Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.....	10
1.1.5.4 Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất.....	11
<i>1.1.6 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất</i> .....	12
1.1.6.1 Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ( CPNVLTT) ..	12
1.1.6.2 Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp (CPNCTT) .....	14

1.1.6.3	<i>Kế toán chi phí sử dụng máy thi công</i> .....	16
1.1.6.4	<i>Kế toán chi phí sản xuất chung (CPSXC)</i> .....	19
<b>1.1.7</b>	<b>Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm</b> .....	22
1.1.7.1	<i>Tài khoản sử dụng</i> .....	22
1.1.7.3	<i>Phương pháp kế toán</i> .....	24
<b>1.1.8</b>	<b>Đối tượng, phương pháp tính giá thành sản phẩm</b> .....	26
1.1.8.1	<i>Đối tượng tính giá thành</i> .....	26
1.1.8.2	<i>Phương pháp tính giá thành</i> .....	27
<b>1.2</b>	<b>Tổng quan tài liệu về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp</b> .....	28
	<b>CHƯƠNG 2</b> .....	30
	<b>THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH</b> .....	30
<b>2.1.</b>	<b>Đặc điểm tình hình chung tại công ty cổ phần an Thịnh</b> .....	30
2.1.1.	<i>Quá trình hình thành và phát triển của công ty</i> .....	30
2.1.1.1.	<i>Quá trình hình thành công ty</i> .....	30
2.1.1.2	<i>Quá trình phát triển của công ty</i> .....	32
2.1.1.3.	<i>Kết quả hoạt động của công ty cổ phần An Thịnh</i> .....	33
2.1.2	<i>Đặc điểm chức năng, nhiệm vụ của công ty</i> .....	34
2.1.2.1	<i>Chức năng của công ty</i> .....	34
2.1.2.2	<i>Nhiệm vụ của công ty</i> .....	34
2.1.3	<i>Đặc điểm tổ chức sản xuất, quản lý kinh doanh của công ty cổ phần An Thịnh</i> .....	34
2.1.3.1	<i>Đặc điểm tổ chức sản xuất của công ty</i> .....	34
2.1.3.2	<i>Đặc điểm sản phẩm</i> .....	36
2.1.4.	<i>Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty</i> .....	37
2.1.4.1	<i>Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty</i> .....	37
2.1.4.2	<i>Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận</i> .....	38
2.1.5	<i>Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty</i> .....	39
2.1.5.1	<i>Tổ chức bộ máy kế toán</i> .....	39

2.1.5.2 Chế độ kế toán áp dụng trong công ty .....	41
<b>2.2 Thực trạng về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty .....</b>	<b>42</b>
2.2.1 <i>Chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty cổ phần An Thịnh .....</i>	<i>42</i>
2.2.1.1 <i>Nội dung cấu thành chi phí sản xuất tại công ty cổ phần An Thịnh .....</i>	<i>42</i>
2.2.1.2 <i>Phương pháp phân bổ chi phí tại công ty Cổ phần An Thịnh.....</i>	<i>43</i>
2.2.2 <i>Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty Cổ phần An Thịnh .....</i>	<i>44</i>
2.2.2.1 <i>Đối tượng tập hợp chi phí tại công ty Cổ phần An Thịnh.....</i>	<i>44</i>
2.2.2.2 <i>Đối tượng tính giá thành của công ty Cổ phần An Thịnh.....</i>	<i>44</i>
2.2.3 <i>Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty Cổ phần An Thịnh .....</i>	<i>45</i>
2.2.3.1 <i>Kế toán chi phí nguyên liệu trực tiếp .....</i>	<i>45</i>
2.2.3.2 <i>Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....</i>	<i>57</i>
2.2.3.3 <i>Kế toán chi phí sử dụng máy thi công .....</i>	<i>66</i>
2.2.3.4 <i>Kế toán chi phí sản xuất chung .....</i>	<i>72</i>
<b>CHƯƠNG 3.....</b>	<b>87</b>
<b>MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH .....</b>	<b>87</b>
<b>3.1 Đánh giá thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty .....</b>	<b>87</b>
3.1.1 <i>Đánh giá chung về công tác kế toán .....</i>	<i>87</i>
3.1.1.1 <i>Những ưu điểm về công tác tổ chức kế toán, bộ máy kế toán.....</i>	<i>87</i>
3.1.1.2 <i>Những nhược điểm về tổ chức công tác kế toán, bộ máy kế toán. ....</i>	<i>88</i>
3.1.2 <i>Đánh giá về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần An Thịnh .....</i>	<i>89</i>
3.1.2.1 <i>Những ưu điểm về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.....</i>	<i>89</i>

3.1.2.2 Những nhược điểm về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.....	90
<b>3.2 Một số ý kiến góp phần hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần An Thịnh .....</b>	<b>91</b>
<b>C. PHÀN KẾT LUẬN .....</b>	<b>95</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>97</b>

## A. PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài:

Với chính sách mở cửa đổi mới nền kinh tế và đang từng bước hòa mình với nền kinh tế thế giới. Đất nước ta đang trong giai đoạn phát triển với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, mà nền công nghiệp hiện nay đang là trọng tâm và tạo ra nhiều cơ hội cho các nhà doanh nghiệp. Tuy nhiên cơ hội luôn đồng nghĩa với thử thách và khó khăn. Trong điều kiện nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, mở rộng quan hệ kinh tế và hợp tác với đầu tư nước ngoài dưới sự tác động mạnh mẽ của tiến bộ khoa học kỹ thuật, đã đưa nền kinh tế Việt Nam bước sang giai đoạn mới, giai đoạn phát triển và cạnh tranh lành mạnh.

Đặc biệt vào năm 2007 nước ta đã chính thức là thành viên 150 của WTO, đã mở ra nhiều cơ hội song cũng đầy thách thức cho nền kinh tế của đất nước. Vì vậy các nhà doanh nghiệp luôn phải cạnh tranh với nhau để tồn tại và phát triển, để điều hành và quản lý được toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp một cách có hiệu quả và muốn đứng vững trên thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp phải biết nắm bắt kịp thời, chính xác các thông tin kinh tế đang diễn ra thực tế của doanh nghiệp, phải không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm tạo ra sức cạnh tranh hàng hóa của mình trên thị trường, muốn tạo ra được điều đó bên cạnh áp dụng tiến bộ khoa học \_ kỹ thuật thì doanh nghiệp phải làm tốt công tác hạch toán kế toán.

Điều đó có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp họ tìm ra một phương án kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất giúp doanh nghiệp phát triển, vươn lên cũng như có những biện pháp kịp thời giúp doanh nghiệp tháo gỡ những khó khăn.

Kế toán với chức năng của mình đã trở thành công cụ không thể thiếu trong quản lý kinh tế của các doanh nghiệp nói chung và trong doanh nghiệp xây dựng nói riêng. Mà sản phẩm của ngành xây dựng không chỉ đơn thuần là những công trình có giá trị lớn, thời gian sử dụng lâu dài mà còn là những công trình có tính thẩm mỹ cao. Mặt khác, chi phí là yếu tố căn bản cấu tạo nên giá thành sản phẩm và việc tiết kiệm chi phí sản xuất là cơ sở hạ giá thành sản phẩm. Chính vì

vậy , kế toán không những phải hạch toán đầy đủ , chính xác các khoản chi phí mà mình đã bỏ ra và tính giá thành mà còn phải làm thế nào để kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất phục vụ tốt cho việc hạ giá thành mà vẫn đảm bảo được chất lượng góp phần không nhỏ vào sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm , em quyết định chọn đề tài: “**Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần An Thịnh**” để nghiên cứu làm chuyên đề thực tập của mình.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu:**

- Đánh giá thực trạng , tình hình, đặc điểm tính chất và tầm quan trọng của kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần An Thịnh.

- Đề xuất các giải pháp khả thi giúp cho công ty hạn chế được những thất thoát , lãng phí và là cơ sở để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành phù hợp đem lại lợi nhuận cao.

- Vận dụng những lý thuyết vào hạch toán chi phí công tác kế toán thực tế nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng trong doanh nghiệp mà cụ thể là trong công ty cổ phần An Thịnh sẽ giúp ta có thể hiểu rõ hơn , trao đổi và bổ sung thêm những kiến thức đã được học ở trường.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:**

### **a. Đối tượng nghiên cứu:**

- Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm của công trình “Trường thanh niên dân tộc miền núi Nam Giang”.

- Các chứng từ , phương pháp tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần An Thịnh.

### **b. Phạm vi nghiên cứu:**

Tiến hành phân tích , đánh giá vấn đề chi phí sản xuất và tính giá thành ; cách hạch toán cho hạng mục công trình “ Trường thanh niên dân tộc miền núi Nam Giang” trong quý III năm 2013.

#### **4. Nội dung và phương pháp nghiên cứu:**

##### **a. Nội dung nghiên cứu :**

##### **\* Tổng quan về công ty cổ phần An Thịnh:**

- Lịch sử hình thành và phát triển.
- Đặc điểm chức năng , nhiệm vụ của công ty.
- Đặc điểm tổ chức sản xuất , quản lý kinh doanh của công ty.
- Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty.
- Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty.

##### **\* Thực trạng về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty:**

- Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất : tập hợp chi phí nguyên vật liệu là tập hợp tất cả các chi phí về nguyên vật liệu chính , nguyên vật liệu phụ , nhiên liệu và các vật liệu khác dùng để trực tiếp sản xuất ra sản phẩm.

- + Chi phí nhân công trực tiếp .
- + Chi phí sử dụng máy thi công.
- + Chi phí sản xuất chung
- + Phương pháp phân bổ chi phí tại công ty.

- Đối tượng tính giá thành ở công ty cổ phần An Thịnh là công trình .hạng mục công trình.

- Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty.

- + Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:
- + Kế toán chi phí nhân công trực tiếp:
- + Kế toán chi phí sử dụng máy thi công:
- + Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung:

##### **\* Đánh giá thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty:**

- Đánh giá chung về công tác kế toán.
- Đánh giá về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty.

**\*Một số ý kiến góp phần hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần An Thịnh.**

**b. Phương pháp nghiên cứu :**

**\* Phương pháp thu thập và tổng hợp dữ liệu :**

*- Phương pháp điều tra*

Để thực hiện phương pháp điều tra ta sử dụng các phiếu điều tra. Nội dung cơ bản của phiếu điều tra đi sâu tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán tại công ty và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty .Các tiêu thức đưa ra trong phiếu điều tra chủ yếu dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm một cách cụ thể , dễ dàng và ngắn gọn.

Các phiếu điều tra gửi tới các nhân viên phòng kế toán, sau đó căn cứ vào các phiếu điều tra đã phát ra trong đợt thực tập tại công ty tổng hợp lại kết quả để có những nhận định chính xác về tình hình kế toán tại công ty hiện nay.

*- Phương pháp phỏng vấn*

Phỏng vấn trực tiếp các cô chú trong ban lãnh đạo công ty và phỏng vấn kế toán.

Bảng câu hỏi được sử dụng xung quanh vấn đề nghiên cứu nhằm thu nhập thông tin một cách hiệu quả phục vụ cho quá trình viết khóa luận.

*- Phương pháp nghiên cứu tài liệu*

Trong quá trình thực tập tại công ty để tập hợp các thông tin phục vụ cho quá trình viết khóa luận tốt nghiệp đã sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu.

Liên hệ các phòng kế toán – tài chính của công ty để thu nhập số liệu về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trong quý 3 năm 2013 của công ty.

Tìm tạp chí chuyên ngành kế toán.kiểm toán qua mạng internet, tìm hiểu các luận văn, chuyên đề khác đã nghiên cứu về đề tài này.

*-Phương pháp phân tích dữ liệu*

+ Phương pháp so sánh : Trong quá trình nghiên cứu tại công ty thực hiện phương pháp này em so sánh đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn về công tác kế

toán, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong công ty, để từ đó thấy được những tồn tại của công ty.

+ Phương pháp sử dụng bảng biểu và sơ đồ phân tích

- *Phương pháp thu thập số liệu từ công ty trên phần mềm excel.*

## **5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

### **a. Ý nghĩa khoa học**

Giúp các nhà quản lý nắm rõ được nguyên tắc hạch toán, nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại công ty, nắm rõ những quy định chuẩn mực, chế độ của nhà nước về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **b. Ý nghĩa thực tiễn**

#### **\* Đối với công ty**

- Nhằm giúp cho công ty hiểu rõ được cách tính và phương pháp hạch toán đã phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty cũng như phù hợp với quy định của nhà nước chưa.

- Giúp công ty tiết kiệm được chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao thu nhập cho người lao động.

#### **\* Đối với sinh viên**

- Nâng cao được năng lực, trình độ cho sinh viên nghiên cứu đề tài.

- Nâng cao được ý thức tiết kiệm, chống lãng phí trong quá trình sản xuất.

- Giúp sinh viên hiểu rõ về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành có gì khác giữa giữa thực tế và lý thuyết đã học.

- Đề tài là cơ sở để đào tạo cử nhân, thạc sĩ chuyên ngành.

- Thông qua đề tài giúp bản thân bổ sung được nguồn kiến thức bổ ích, học tập được thêm nhiều kinh nghiệm.

quy định chuẩn mực, chế độ của nhà nước về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **b. Ý nghĩa thực tiễn**

#### **\*Đối với công ty**

- Nhằm giúp cho công ty hiểu rõ được cách tính và phương pháp hạch toán đã phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty cũng như phù hợp với quy định của nhà nước chưa.

- Giúp công ty tiết kiệm được chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao thu nhập cho người lao động.

#### **\* Đối với sinh viên**

- Nâng cao được năng lực, trình độ cho sinh viên nghiên cứu đề tài.

- Nâng cao được ý thức tiết kiệm, chống lãng phí trong quá trình sản xuất.

- Giúp sinh viên hiểu rõ về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành có gì khác giữa thực tế và lý thuyết đã học.

- Đề tài là cơ sở để đào tạo cử nhân, thạc sĩ chuyên ngành.

- Thông qua đề tài giúp bản thân bổ sung được nguồn kiến thức bổ ích, học tập được thêm nhiều kinh nghiệm.

## **6. Cấu trúc của chuyên đề**

Gồm 3 chương :

Chương 1: Cơ sở khoa học và tổng quan tài liệu về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.

Chương 2: Thực trạng về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong công ty cổ phần An Thịnh.

Chương 3 : Những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần An Thịnh.

## B. PHẦN NỘI DUNG

### Chương 1: CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ TỔNG QUAN TÀI LIỆU VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

#### 1.1 Cơ sở khoa học về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

##### *1.1.1 Khái niệm và phân loại chi phí sản xuất*

###### *1.1.1.1 Khái niệm chi phí sản xuất*

Chi phí sản xuất là toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa ( lao động quá khứ ) mà doanh nghiệp phải chi ra để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định biểu hiện dưới hình thái tiền tệ .

###### *1.1.1.2 Phân loại chi phí sản xuất*

Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp có nhiều loại , nhiều khoản có tính chất , công cụ khác nhau và có yêu cầu quản lý khác nhau . Vì vậy để phục vụ công tác quản lý cũng như kế toán , chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp được tập hợp theo từng công trình , hạng mục công trình và theo khoản mục giá thành quy định trong giá trị dự toán xây lắp gồm :

- Chi phí nguyên liệu , vật liệu trực tiếp bao gồm: giá trị thực tế vật liệu chính , vật liệu phụ, các cấu kiện hoặc các bộ phận rời , vật liệu luân chuyển tham gia cấu hình thực thể sản phẩm xây ,lắp hoặc giúp cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng xây, lắp .

- Chi phí nhân công trực tiếp : tiền lương của công nhân trực tiếp xây lắp, không bao gồm các khoản trích theo lương .

- Chi phí sử dụng máy thi công bao gồm : Chi phí cho các máy thi công nhằm thực hiện khối lượng công tác xây lắp bằng máy . Máy móc thi công là loại máy trực tiếp phục vụ xây lắp công trình . Chi phí sử dụng máy thi công bao gồm chi phí thường xuyên và chi phí tạm thời .

+ Chi phí thường xuyên bao gồm : Chi phí nhân viên điều khiển máy , phục vụ máy ; chi phí vật liệu ; chi phí công cụ dụng cụ ; chi phí khấu hao TSCĐ;

chi phí dịch vụ mua ngoài ( chi phí sửa chữa nhỏ, điện ,nước , bảo hiểm xe, máy ...);chi phí khác bằng tiền .

+ Chi phí tạm thời bao gồm : Chi phí sản xuất lớn máy thi công ; chi phí công trình tạm thời chi máy thi công ( lều , lán ,bê , đường ray chạy máy,... )

$$\begin{array}{l} \text{Phân bổ} \quad \text{chi phí thực tế xây} \quad \text{chi phí} \quad \text{giá trị phế liệu} \\ \text{chi phí} \quad \text{dựng công trình tạm thời} + \text{tháo dỡ} - \text{thu hồi} \\ \text{tạm thời} = \text{-----} \\ \text{hàng kỳ} \quad \text{TG sử dụng công trình hoặc thời gian thi công trên công trình} \end{array}$$

- Chi phí sản xuất chung bao gồm chi phí phục vụ cho thi công của đội , công trường xây dựng như : lương nhân viên quản lý phân xưởng , tổ , đội xây dựng ;các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất , công nhân vận hành máy thi công và nhân viên quản lý phân xưởng, tổ , đội thi công thì tính vào chi phí , khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội và những chi phí khác liên quan đến hoạt động của đội .

### **1.1.2 Khái niệm và phân loại giá thành sản phẩm**

#### *1.1.2.1 Khái niệm giá thành sản phẩm*

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền toàn bộ chi phí về lao động sống và lao động vật hóa ( lao động quá khứ ) doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến một khối lượng sản phẩm , công việc , lao vụ hoàn thành .

#### *1.1.2.2 Phân loại giá thành sản phẩm*

##### *1.1.2.2.1 Phân theo thời điểm tính nguồn số liệu để tính giá thành*

- Giá thành kế hoạch : Được xác định trước khi bước vào kinh doanh, trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức , các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch .

- Giá thành định mức : Là giá thành được tính trước khi bắt đầu sản xuất và được xây dựng trên cơ sở các định mức kinh tế kỹ thuật tại một thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch .Giá thành định mức được xác định trên cơ sở các định mức về chi phí hiện hành tại từng thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch thường là ngày đầu tháng nên giá thành định mức chi phí đạt được trong quá trình thực hiện kế hoạch giá thành .

- Giá thành thực tế : Là tổng chi phí thực tế phát sinh mà doanh nghiệp bỏ ra để hoàn thành việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm .Được xác định sau khi kết thúc quá trình sản xuất sản phẩm .

#### *1.1.2.2 Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí*

- Giá thành sản xuất : Là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để hoàn thành sản xuất sản phẩm hay dịch vụ .Nó được tính toán trên cơ sở chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp , chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung.

- Giá thành toàn bộ : Là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để hoàn thành việc sản xuất cũng như tiêu thụ , bao gồm tổng giá thành sản xuất của sản phẩm tiêu thụ , chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .

#### *1.1.3 Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm*

Chi phí sản xuất là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất (một kỳ nhất định ), còn giá thành sản phẩm là toàn bộ chi phí kết tinh trong một khối lượng sản phẩm , một công việc , lao vụ nhất định .Chi phí sản xuất biểu hiện mặt hao phí , còn giá thành biểu hiện mặt kết quả . Đây là hai mặt thống nhất của một quá trình , chúng giống nhau về chất là hao phí lao động sống và lao động vật hóa nhưng do chi phí bỏ ra giữa các kỳ không đều nhau nên giữa chi phí sản xuất và giá thành khác nhau về lượng . Sự khác nhau về lượng giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được biểu hiện qua công thức sau :

$$\begin{array}{cccc} \text{`Tổng giá} & \text{Chi phí sản} & \text{Chi phí sản} & \text{Chi phí sản} \\ \text{thành sản} & \text{xuất dở dang} & \text{+ xuất phát sinh} & \text{- xuất dở dang} \\ \text{phẩm} & \text{đầu kỳ} & \text{trong kỳ} & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

#### *1.1.4 Nhiệm vụ kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm*

Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp có những nhiệm vụ sau :

- Kiểm tra , giám đốc tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất ở từng bộ phận trong doanh nghiệp , làm căn cứ cho kế toán tính chính xác giá thành sản phẩm .

- Ghi chép , phản ánh chính xác các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm , cung cấp lao vụ , dịch vụ , kiểm tra giám sát tình hình thực hiện các định mức chi phí , dự toán chi phí nhằm thúc đẩy việc thực hiện tiết kiệm trong tất cả các khâu để hạ thấp giá thành sản phẩm.

- Tính toán kịp thời , đầy đủ , đúng đắn giá thành sản phẩm làm cơ sở tính hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp , cung cấp đầy đủ số liệu phục vụ cho việc phân tích tình hình thực hiện chi phí , phân tích giá thành , phục vụ cho việc lập báo cáo quyết toán .

- Tính giá thành theo đúng khoản mục , đúng kỳ , định kỳ phân tích và cung cấp các báo cáo về chi phí sản xuất và giá thành cho lãnh đạo , phát hiện khả năng tiềm tàng của đơn vị

### ***1.1.5 Đối tượng , phương pháp tập hợp chi phí sản xuất***

#### ***1.1.5.1 Khái niệm***

Đối tượng tập hợp chi phí là phạm vi, giới hạn nhất định để tập hợp chi phí sản xuất nhằm phục vụ cho việc kiểm tra , phân tích chi phí và tính giá thành sản phẩm .

#### ***1.1.5.2 Căn cứ để xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất***

Để xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất , kế toán phải căn cứ vào đặc điểm sản xuất kinh doanh , cơ cấu tổ chức sản xuất , tính chất quy trình công nghệ sản xuất , loại hình sản xuất , đặc điểm sản phẩm , yêu cầu quản lý , yêu cầu hạch toán kinh tế nội bộ của doanh nghiệp, trình độ và phương tiện của kế toán .

#### ***1.1.5.3 Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất***

Các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là toàn bộ quy trình công nghệ hay từng giai đoạn , từng quy trình công nghệ riêng biệt , từng phân xưởng sản xuất hoặc sản phẩm , nhóm sản phẩm , chi tiết , bộ phận sản phẩm,...

Trong công tác kế toán xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là cơ sở để xây dựng hệ thống chứng từ ban đầu về chi phí sản xuất , xây dựng hệ thống sổ kế toán chi tiết về chi phí sản xuất ...

#### 1.1.5.4 Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất

- Trên cơ sở đối tượng kế toán tập hợp chi phí đã được xác định , kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết chi phí sản xuất để tập hợp chi phí .

- Phản ánh chi phí phát sinh vào các đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất liên quan. Những chi phí sản xuất phát sinh liên quan trực tiếp đến từng đối tượng tập hợp chi phí được tập hợp trực tiếp vào đối tượng tập hợp chi phí sản xuất như : Chi phí nguyên liệu , vật liệu trực tiếp , chi phí nhân công trực tiếp ,... Những chi phí sản xuất liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất được tập hợp thành nhóm và phân bổ vào đối tượng tập hợp chi phí theo một tiêu chuẩn thích hợp.

+ Tập hợp chi phí theo phương pháp trực tiếp : Căn cứ vào chứng từ gốc để tính chi phí một cách trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí .

+ Tập hợp chi phí theo phương pháp phân bổ gián tiếp : Chi phí phân bổ gián tiếp liên quan đến nhiều đối tượng nhưng không thể tổ chức riêng ghép riêng ngay từ đầu cho từng đối tượng tập hợp chi phí riêng biệt , kế toán tập hợp chi phí theo điều kiện phát sinh đến cuối kỳ , hoặc khi sản xuất đã hoàn thành thì lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ theo chi phí cho các đối tượng chịu chi phí .

$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ}}{\text{Tổng tiêu chuẩn phân bổ chi phí}}$$

$$\text{Mức phân bổ chi phí sản xuất cho đối tượng } i = \frac{\text{Hệ số phân bổ chi phí}}{\text{Tiêu chuẩn phân bổ cho đối tượng } i} \times \text{phân bổ cho đối tượng } i$$

- Cuối kỳ kế toán tổng hợp chi phí sản xuất theo từng đối tượng hạch toán chi phí , phục vụ cho công tác kiểm tra, phân tích chi phí và tính giá thành sản phẩm .

### 1.1.6 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất

#### 1.1.6.1 Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ( CPNVLTT )

##### 1.1.6.1.1 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 621 ( TK 621 ) “ Chi phí nguyên liệu , vật liệu trực tiếp”

##### 1.1.6.1.2 Nội dung và kết cấu

Tài khoản này dùng phản ánh các chi phí nguyên liệu , vật liệu sử dụng trực tiếp cho sản xuất , chế tạo sản phẩm , thực hiện lao vụ, dịch vụ,...

Kết cấu :

Nợ	Tài khoản 621	Có
- Trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm, dịch vụ trong kỳ.		- Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vượt mức bình thường vào tài khoản 632 - Trị giá nguyên vật liệu trực sử dụng không hết được nhập kho. - Kết chuyển hoặc tính phân bổ trị giá nguyên vật liệu thực sử dụng cho sản xuất kinh doanh kỳ vào tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” và chi tiết các đối tượng để tính giá thành sản phẩm, dịch vụ.
	✕	

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ , được mở chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí .

##### 1.1.6.1.3 Chứng từ sử dụng

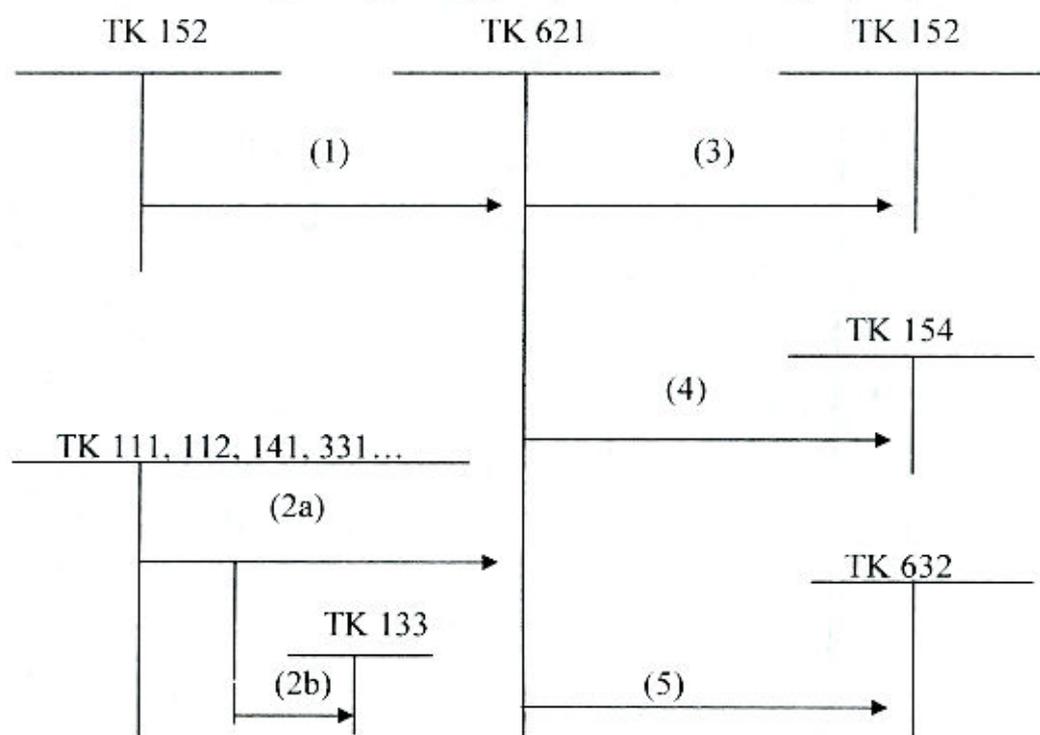
- Phiếu xuất kho .
- Phiếu xuất đầu tư theo định mức .
- Biên bản kiểm kê theo vật tư .
- Phiếu nhập kho.

#### 1.1.6.1.4 Phương pháp kế toán

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm các chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm của doanh nghiệp. Trong kỳ kế toán căn cứ vào các chứng từ xuất kho vật tư và phương pháp tính giá vật liệu xuất dùng để tính ra giá trị thực tế vật liệu xuất dùng. Sau đó căn cứ vào đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đã xác định để tập hợp CPNVLTT. Trường hợp vật liệu xuất dùng có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí, không thể tổ chức hạch toán riêng được thì phải áp dụng phương pháp phân bổ chi phí cho các đối tượng có liên quan.

Tiêu thức phân bổ thường được sử dụng là phân bổ theo định mức tiêu hao, khối lượng sản phẩm, hệ số qui định.

#### SƠ ĐỒ TRÌNH TỰ KẾ TOÁN CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP (Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



Sơ đồ 1.1: Trình tự kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- (1) Xuất vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm
- (2a) Mua vật liệu về sử dụng luôn
- (2b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ
- (3) Giá trị nguyên vật liệu dùng không hết nhập lại kho

(4) Cuối kỳ kết chuyển để tính giá thành

(5) Chi phí nguyên vật liệu vượt mức bình thường tính vào giá vốn

#### 1.1.6.2 Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp (CPNCTT)

##### 1.1.6.2.1 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 622 ( TK 622) “ Chi phí nhân công trực tiếp”

##### 1.1.6.2.2 Nội dung và kết cấu

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền phải trả cho người lao động trực tiếp tham gia vào sản xuất sản phẩm , lao vụ , dịch vụ thuộc danh sách quản lý của doanh nghiệp và cho lao động thuê ngoài theo từng công việc như : tiền lương , tiền công, các khoản phụ cấp , không bao gồm các khoản trích theo lương , tiền ăn ca , tiền thưởng

*Kết cấu :*

Nợ	Tài khoản 622	Có
- Tiền lương, tiền công của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm . - Trích trước tiền lương công nhân sản xuất nghỉ phép		- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào bên nợ TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” hoặc vào TK 631 (theo kiểm kê định kỳ ). - Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vượt lên trên mức bình thường vào TK 632

Tài khoản 622 không có số dư cuối kỳ , được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí.

##### 1.1.6.2.3 Chứng từ sử dụng

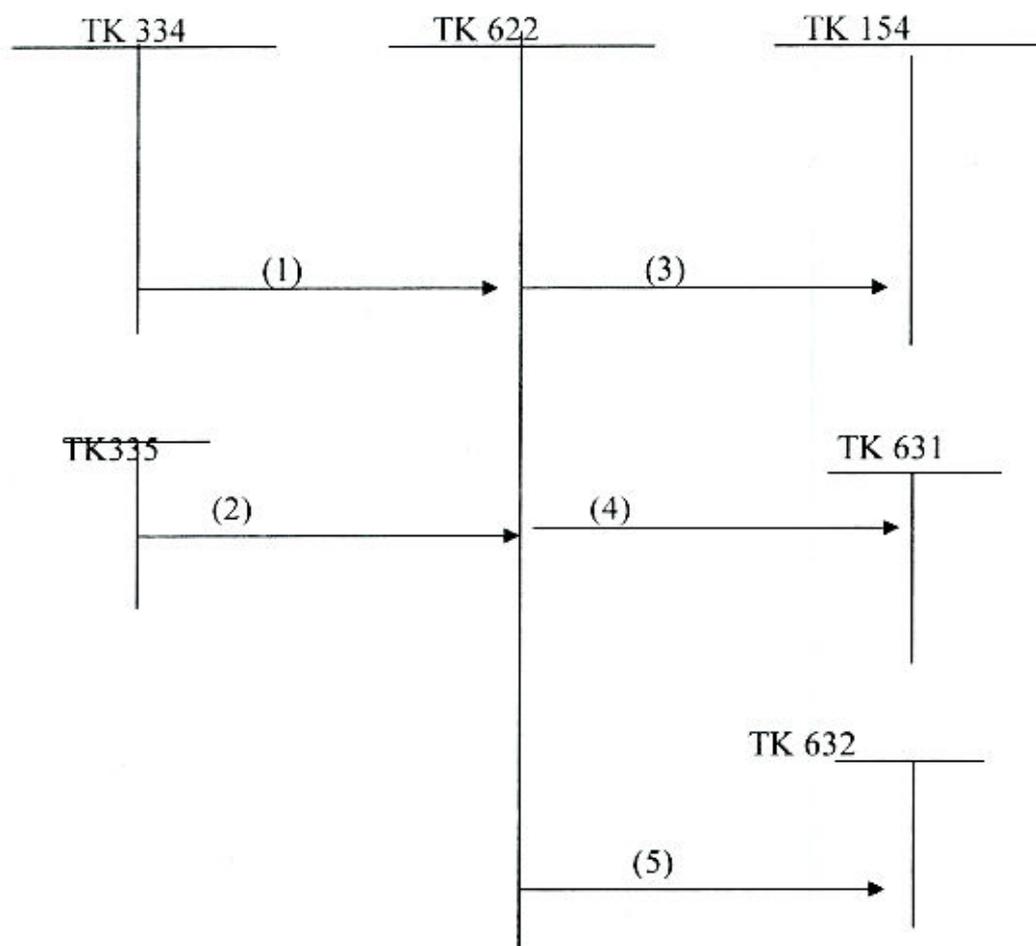
- Bảng chấm công.
- Bảng thanh toán lương.
- Phiếu xác nhận sản phẩm hoàn thành.

#### 1.1.6.2.4 Phương pháp kế toán

Đối với chi phí nhân công trực tiếp liên quan đến đối tượng tập hợp chi phí sản xuất nào thì được hạch toán trực tiếp cho đối tượng đó trên cơ sở chứng từ gốc, trường hợp chi phí nhân công liên quan đến nhiều đối tượng không hạch toán trực tiếp được thì phải phân bổ cho các đối tượng tập hợp chi phí theo một tiêu chuẩn thích hợp .

Tiêu chuẩn thường để phân bổ là : chi phí tiền lương theo định mức , giờ công định mức hay thực tế,...

#### SƠ ĐỒ TRÌNH TỰ KẾ TOÁN CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP



#### Sơ đồ 1.2: Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp

- (1) Tính lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.
- (2) Trích trước tiền lương công nhân nghỉ phép.
- (3) Cuối kỳ kết chuyển CPNCTT ( kê khai thường xuyên ).

(4) Cuối kỳ kết chuyển CPNCTT ( kiểm kê định kỳ ).

(5) Chi phí nhân công vượt trên mức bình thường.

*1.1.6.3 Kế toán chi phí sử dụng máy thi công*

*1.1.6.3.1 Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 623 ( TK 623 ) “ Chi phí sử dụng máy thi công”

Tài khoản 623 có 6 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 6231- chi phí nhân công .

Tài khoản 6232- chi phí vật liệu.

Tài khoản 6233- chi phí công cụ , dụng cụ .

Tài khoản 6234- chi phí khấu hao máy thi công .

Tài khoản 6237- chi phí dịch vụ mua ngoài .

Tài khoản 6238- chi phí bằng tiền khác .

*1.1.6.3.2 Nội dung và kết cấu*

Tài khoản này chỉ sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp, công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình hoàn toàn theo phương thức bằng máy thi công thì không sử dụng TK 623 mà hạch toán toàn bộ chi phí xây lắp trực tiếp vào các tài khoản 621, 622,627. Mặt khác ,trong doanh nghiệp xây lắp kế toán không ghi nhận các khoản trích BHXH, BHYT,BHTN,KPCĐ của công nhân điều khiển máy thi công mà phản ánh vào tài khoản 627.

*Kết cấu :*

<b>Nợ</b>	<b>Tài khoản 623</b>	<b>Có</b>
- Các chi phí liên quan đến hoạt động của máy thi công	- Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vào bên nợ TK 154 - Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vượt trên mức bình thường vào TK 632	
	✱	

Tài khoản 623 không có số dư cuối kỳ.

#### 1.1.6.3.3 Chứng từ sử dụng

- Phiếu theo dõi hoạt động của xe máy thi công.

#### 1.1.6.3.4 Phương pháp kế toán

Chi phí sử dụng máy thi công tập hợp riêng cho từng máy thi công. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công phụ thuộc vào hình thức sử dụng máy thi công : tổ chức đội máy thi công riêng biệt chuyên thực hiện các khối lượng thi công bằng máy hoặc giao máy thi công cho các đội , xí nghiệp xây lắp hoặc thuê máy thi công.

- **Trường hợp doanh nghiệp tổ chức đội xe, máy thi công riêng được phân cấp kế toán và tổ chức kế toán riêng cho đội máy , đội máy tập hợp chi phí và tính giá thành ca máy**

Chi phí liên quan đến hoạt động của đội , xe máy thi công được tập hợp theo từng khoản mục chi phí vào các TK 621, 622, 627 và cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 để tính giá thành ca máy .

- **Trường hợp thuê máy thi công**

Căn cứ vào hóa đơn nhận từ bên cho thuê , kế toán ghi :

Nợ TK 623: chi phí sử dụng máy thi công

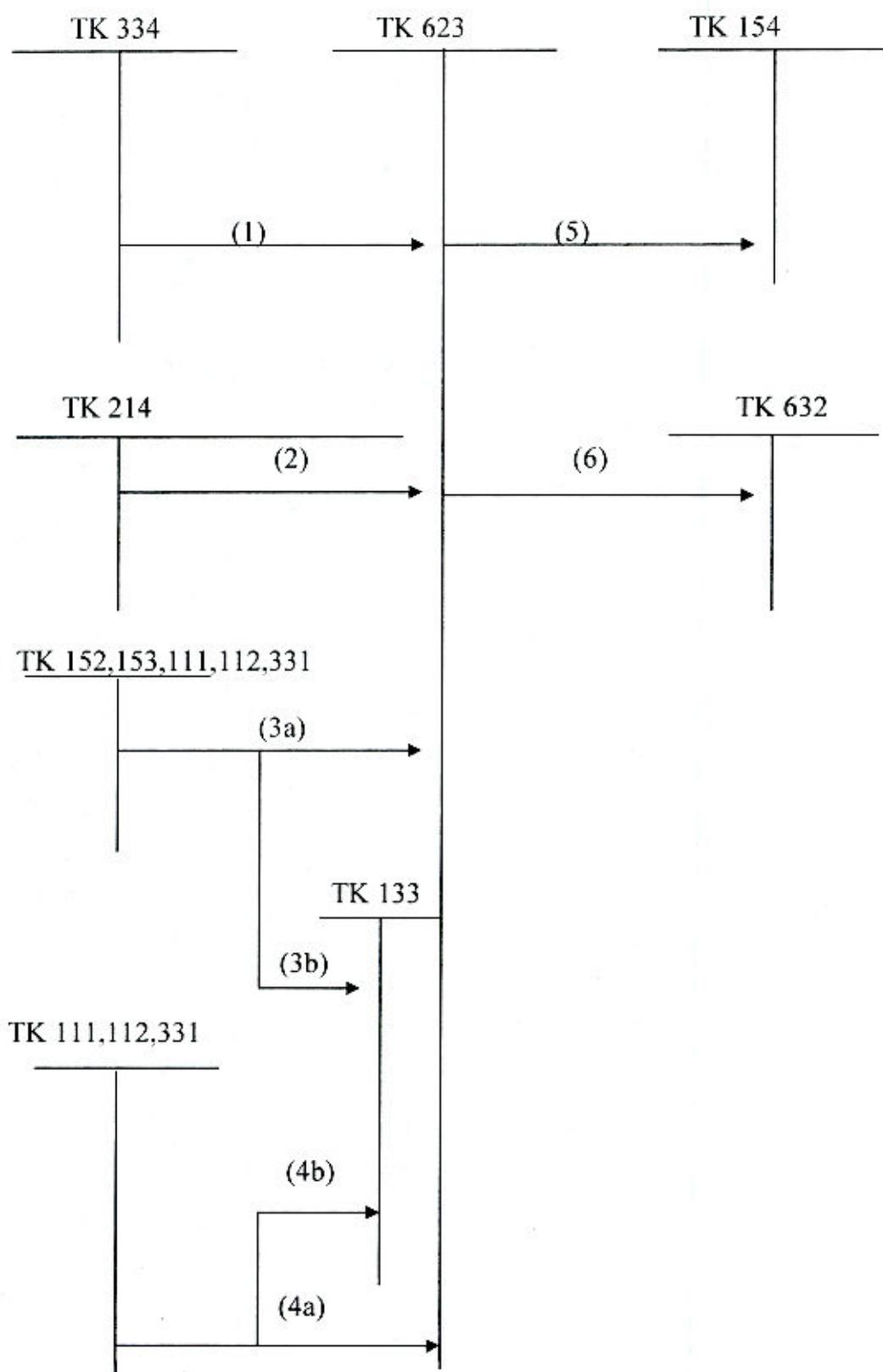
Nợ TK 133: thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 111,112,331,...

- **Trường hợp không tổ chức đội xe ,máy thi công riêng hoặc có tổ chức đội xe , máy thi công riêng nhưng không có tổ chức kế toán riêng cho đội:**



## SƠ ĐỒ TRÌNH TỰ KẾ TOÁN SỬ DỤNG MÁY THI CÔNG



**Sơ đồ 1.3: Trình tự kế toán sử dụng máy thi công**

- (1) Tiền lương , tiền công phải trả cho công nhân điều khiển máy.
- (2) Trích khấu hao xe, máy thi công.
- (3a) Xuất vật liệu, công cụ dụng cụ hoặc mua ngoài ( không nhập kho ) phục vụ cho máy thi công.

(3b) Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có).

(4a) Chi phí dịch vụ mua ngoài .

(4b) Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có).

(5) Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công.

(6) Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vượt trên mức bình thường.

#### *1.1.6.4 Kế toán chi phí sản xuất chung (CPSXC)*

##### *1.1.6.4.1 Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 627 (TK 627) “ Chi phí sản xuất chung”

Tài khoản 627 - Chi phí sản xuất chung , có 6 tài khoản cấp 2 :

Tài khoản 6271- Chi phí nhân viên phân xưởng .

Tài khoản 6272- Chi phí vật liệu .

Tài khoản 6273- Chi phí dụng cụ .

Tài khoản 6274 - Chi phí khấu hao TSCĐ.

Tài khoản 6277- Chi phí dịch vụ mua ngoài .

Tài khoản 6278- Chi phí bằng tiền khác .

##### *1.1.6.4.2 Nội dung và kết cấu*

Chi phí sản xuất chung là những chi phí phục vụ và quản lý sản xuất phát sinh trong phạm vi quản lý phân xưởng, bộ phận sản xuất, đội sản xuất .Chi phí sản xuất chung được tập hợp theo từng địa điểm phát sinh chi phí . Trong một doanh nghiệp, nếu có nhiều phân xưởng sản xuất, nhiều đội sản xuất thì kế toán phải mở sổ kế toán chi tiết cho từng phân xưởng , đội sản xuất .

*Kết cấu:*

Nợ	Tài khoản 627	Có
- Các chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ - Chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ do mức sản phẩm thực tế sản xuất ra thấp hơn công suất bình thường.	✕	- Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung. - Kết chuyển CPSXC vào TK 154 hoặc vào TK 631 “giá thành sản xuất”

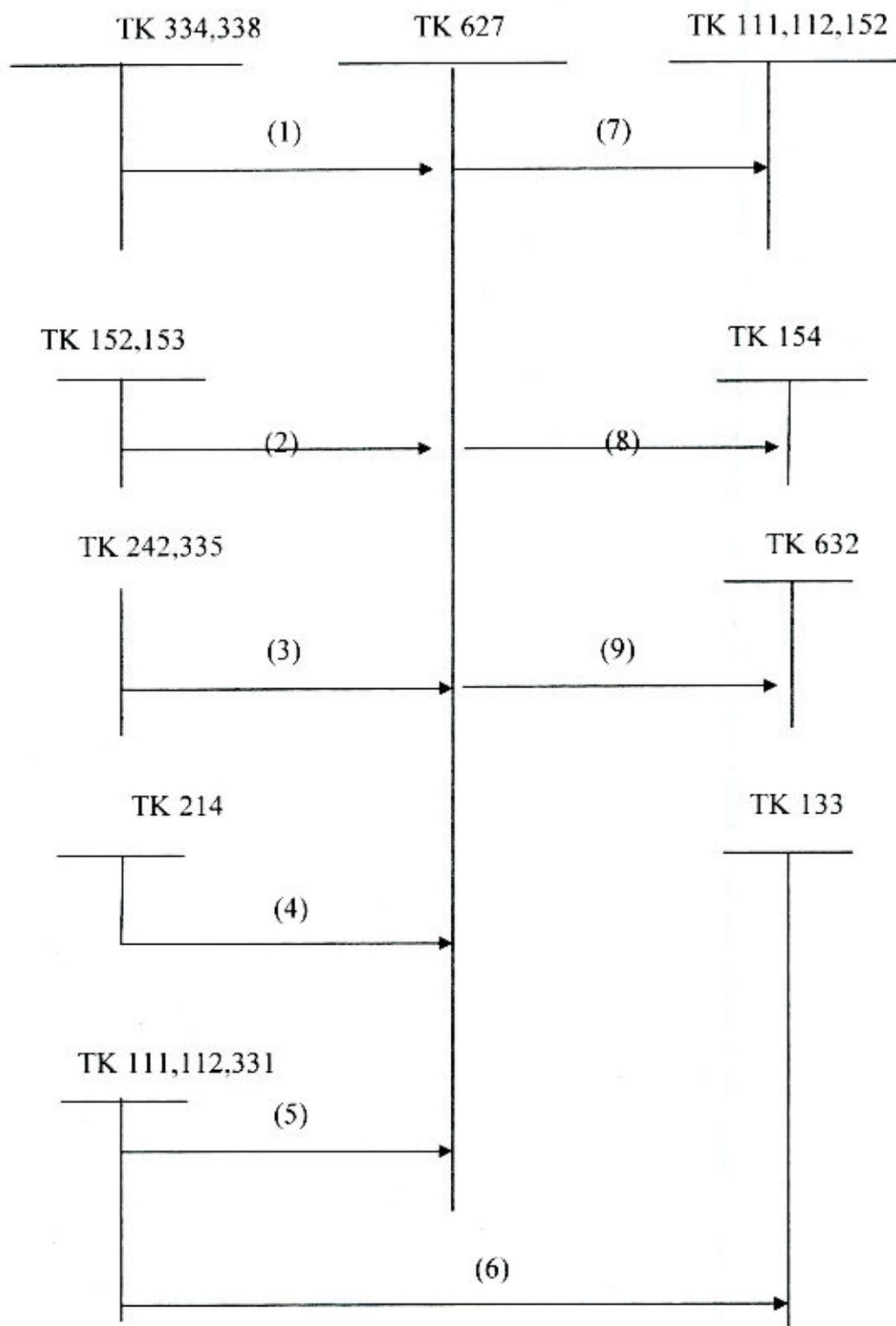
Tài khoản này không có số dư cuối kỳ .

*1.1.6.4.3 Chứng từ sử dụng*

- Phiếu xuất kho.
- Phiếu chi .
- Bảng tính lương.
- Bảng trích khấu hao.

1.1.6.4.4 Phương pháp kế toán

**SƠ ĐỒ TRÌNH TỰ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG**



Sơ đồ 1.4: Trình tự kế toán sản xuất chung

(1) Tiền lương, tiền công phải trả cho nhân viên phân xưởng và các khoản trích theo lương

(2) Xuất vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ cho sản xuất.

(3) Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thuộc phân xưởng.

(4) Trích khấu hao TSCĐ thuộc phân xưởng

(5) Các chi phí sản xuất khác mua ngoài phải trả hay đã trả.

(6) Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ (nếu có).

(7) Các khoản thu hồi, ghi giảm chi phí sản xuất chung.

(8) Phân bổ hoặc kết chuyển CPSXC cho các đối tượng.

(9) Kết chuyển CPSXC vào giá vốn.

### **1.1.7 Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**

#### *1.1.7.1 Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 154 (TK 154) “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

Tài khoản 154 có 4 tài khoản cấp 2 :

Tài khoản 1541- Xây lắp.

Tài khoản 1542- Sản phẩm khác.

Tài khoản 1543- Dịch vụ.

Tài khoản 1544- Chi phí bảo hành xây lắp.

#### *1.1.7.2 Nội dung và kết cấu*

Sản phẩm dở dang là những sản phẩm chưa hoàn thành và những sản phẩm đã hoàn thành nhưng chưa làm thủ tục nhập kho thành phẩm.

Đánh giá sản phẩm dở dang là việc xác định giá trị bằng tiền của sản phẩm dở dang để ghi sổ kế toán và làm căn cứ để tính giá thành.

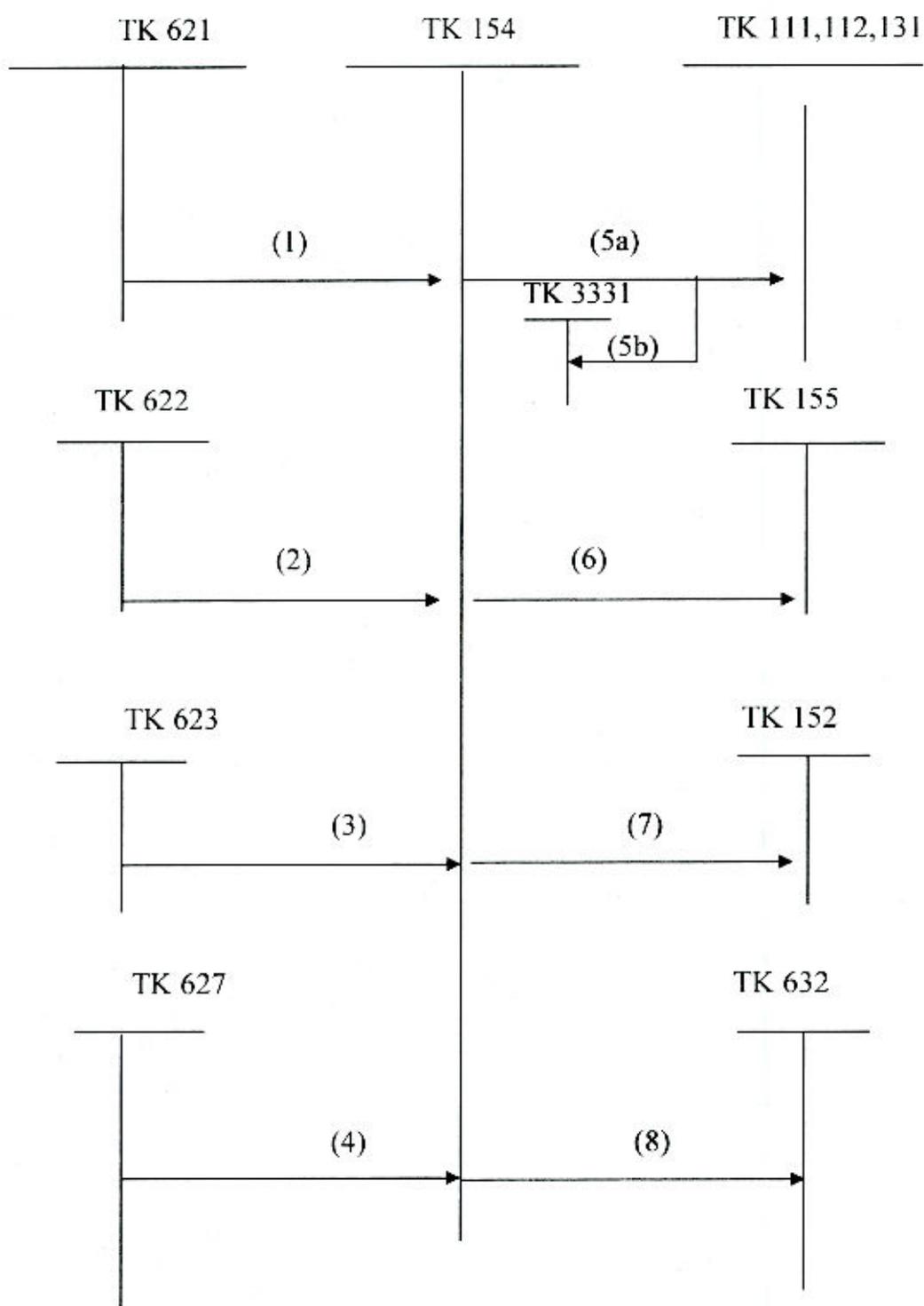
Tài khoản này được dùng để tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, tài khoản này được mở theo từng đối tượng tập hợp chi phí.

*Kết cấu :*

Nợ	Tài khoản 154	Có
<p><b>SDĐK:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Các chi phí sản xuất kinh còn dở dang đầu kỳ</li></ul> <p><b>SPS tăng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Kết chuyển chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.</li><li>- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp</li><li>- Kết chuyển chi phí sản xuất chung</li></ul> <p><b>SDCK:</b></p> <p>Chi phí sản xuất kinh doanh còn dở dang cuối kỳ</p>		<p><b>SPS giảm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trị giá phế liệu thu hồi, giá trị sản phẩm hỏng không sửa chữa được</li><li>- Trị giá sản phẩm phụ thu hồi từ sản xuất.</li><li>- Trị giá nguyên vật liệu, hàng hóa gia công xong nhập kho.</li><li>- Giá thành thực tế của thành phẩm sản xuất xong nhập kho hoặc chuyển bán.</li></ul>

1.1.7.3 Phương pháp kế toán

**SƠ ĐỒ TRÌNH TỰ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT**



Sơ đồ 1.5: Trình tự kế toán tập hợp chi phí sản xuất

- (1) Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp .
- (2) Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp .
- (3) Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công.
- (4) Kết chuyển chi phí sản xuất chung
- (5a) Giá trị phế liệu bán thu bằng tiền
- (5b) Thuế giá trị gia tăng đầu ra.
- (6) Công trình , hạng mục công trình hoàn thành chưa bàn giao
- (7) Phế liệu thu hồi nhập kho
- (8) Giá thành thực tế sản phẩm bán ngay .

#### 1.1.7.3.1 Đánh giá sản phẩm dở dang

Việc tính và đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp phụ thuộc vào phương thức thanh toán khối lượng công tác xây lắp giữa người nhận thầu và người giao thầu :

- Đối với công trình , hạng mục công trình quy định thanh toán sản phẩm xây dựng sau khi hoàn thành toàn bộ thì sản phẩm dở dang là tổng chi phí phát sinh từ lúc khởi công đến thời điểm kiểm kê kết thúc kỳ kế toán nhưng chưa đạt đến khối lượng thực hiện quy định trong hợp đồng.

- Đối với công trình , hạng mục công trình quy định thanh toán sản phẩm xây dựng theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng thì sản phẩm dở dang là các khối lượng xây lắp chưa đạt tới điểm dừng kỹ thuật theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng nhưng đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán .Như vậy chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp dở dang cuối kỳ có được bằng cách lấy chi phí thực tế phát sinh trong kỳ phân bổ cho các giai đoạn , tổ hợp công việc hoàn thành và dở dang theo mức độ hoàn thành thực tế của chúng

Công thức :

$$\text{Giá trị dự toán dở dang cuối kỳ của giai đoạn i} = \frac{\text{Giá thành dự toán của giai đoạn i}}{\text{Tỷ lệ hoàn thành của giai đoạn i}} *$$

Sau đó xác định hệ số phân bổ cho các giai đoạn dở dang theo công thức sau :

$$\text{Hệ số chi phí phân bổ cho giai đoạn } i = \frac{\text{Giá trị thực tế sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{tổng chi phí thực tế phát sinh trong kỳ}}{\text{giá thành dự toán của khối lượng xây, lắp bàn giao trong kỳ} + \text{tổng giá thành dự toán của khối lượng dở dang cuối kỳ}}$$

Cuối cùng xác định giá trị sản phẩm dở dang của các giai đoạn :

$$\text{Giá trị thực tế khối lượng dở dang cuối kỳ của giai đoạn } i = \frac{\text{giá trị dự toán khối lượng dở dang cuối kỳ của giai đoạn } i}{\text{hệ số chi phí phân bổ cho giai đoạn } i}$$

$$\text{Giá trị thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ} = \text{giá trị khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ} + \text{chi phí phát sinh trong kỳ} - \text{giá trị thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ}$$

### 1.1.8 Đối tượng, phương pháp tính giá thành sản phẩm

#### 1.1.8.1 Đối tượng tính giá thành

##### 1.1.8.1.1 Khái niệm

Đối tượng tính giá thành là các sản phẩm , công việc , lao vụ do doanh nghiệp sản xuất ra và cần phải xác định giá thành .

##### 1.1.8.1.2 Căn cứ để xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm

Tùy đặc điểm sản xuất , đặc điểm sản phẩm , lao vụ , đặc điểm quy trình công nghệ để xác định đối tượng tính giá thành thích hợp .

##### 1.1.8.1.3 Đối tượng tính giá thành sản phẩm

- Về mặt tổ chức sản xuất : Nếu sản xuất đơn chiếc thì từng sản phẩm , công việc là đối tượng tính giá thành . Nếu sản xuất hàng loạt thì từng sản phẩm

là đối tượng tính giá thành, nếu sản xuất nhiều loại sản phẩm thì mỗi loại sản phẩm là một đối tượng tính giá thành.

- Về quy trình công nghệ : Nếu sản xuất giản đơn thì đối tượng tính giá thành có thể là sản phẩm hoàn thành ở cuối quy trình sản xuất. Nếu quy trình sản xuất liên tục, nhiều giai đoạn thì bán thành phẩm cũng có thể là đối tượng tính giá thành. Nếu quy trình sản xuất kiểu song song ( lắp ráp ) thì không những thành phẩm lắp ráp xong mà có thể một số phụ tùng , chi tiết cũng là đối tượng tính giá thành.

### *1.1.8.2 Phương pháp tính giá thành*

#### *1.1.8.2.1 Khái niệm*

Phương pháp tính giá thành là cách thức , phương pháp tính toán ,xác định giá thành đơn vị của từng loại sản phẩm, lao vụ , dịch vụ hoàn thành

Chỉ tiêu giá thành bao gồm :

- Giá thành kế hoạch : Là giá thành được xác định trước khi bước vào sản xuất kinh doanh , được xác định trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước ,các định mức chi phí và các dự toán chi phí được dự kiến trong kỳ kế hoạch.

- Giá thành định mức : Là giá thành được xác định trước khi bước vào sản xuất sản phẩm .Tuy nhiên , khác với giá thành kế hoạch được xây dựng trên cơ sở các định mức bình quân tiên tiến không biến đổi trong suốt kỳ kế hoạch, giá thành định mức được xây dựng trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành tại từng thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch nên giá thành định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí đạt được trong quá trình thực hiện kế hoạch giá thành.

- Giá thành thực tế : Được xác định sau khi kết thúc quá trình sản xuất sản phẩm trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm.

### 1.1.8.2.2 Các phương pháp tính giá thành

#### a. Phương pháp giản đơn ( phương pháp trực tiếp):

Áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn , số lượng mặt hàng ít , sản xuất với khối lượng lớn , chu kỳ sản xuất ngắn ( sản xuất điện , nước ,...)

Công thức :

<b>Tổng giá thành thực tế sản phẩm</b>	<b>=</b>	<b>Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ</b>	<b>+</b>	<b>Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>Các khoản điều chỉnh giảm giá thành</b>
--	----------	--	----------	--	----------	---	----------	--

$$\text{Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế sản phẩm}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

#### b. Phương pháp tổng cộng chi phí.

Giá thành công trình được xác định bằng cách tổng cộng chi phí sản xuất của các hạng mục công trình cấu thành nên công trình hoặc tổng cộng chi phí của các tổ , đội tham gia vào quá trình xây dựng công trình

### 1.2 Tổng quan tài liệu về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp

- Tài liệu của công ty.

-Các nghiên cứu cùng đề tài của năm trước

Đề tài phân tích kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp là một đề tài phổ biến, có tầm quan trọng và ý nghĩa rất lớn đối với các doanh nghiệp đang hoạt động trong nước. Một số tài liệu được sử dụng để tham khảo trong bài như sau:

Đề tài thực tập tốt nghiệp của sinh viên Huỳnh Thị Kim Ngân – trường Cao đẳng CKN Đông Á vào năm 2012, với đề tài: **Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần An Thịnh.** Đề tài này nêu lên đầy đủ những nội dung cơ bản về công tác kế toán tập hợp chi phí sản

xuất và tính giá thành sản phẩm , nêu lên được thực trạng, những khó khăn mà công ty đang gặp phải, cho biết nguyên nhân nào là chủ yếu, thứ yếu để từ đó có thể đề ra những biện pháp kịp thời đối với từng nguyên nhân đó. Bên cạnh đó, bằng khả năng nhận thức và sự hiểu biết của mình sau thời gian thực tập tại công ty cổ phần An Thịnh em đã mạnh dạn đề xuất một số ý kiến để công ty xem xét nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

## CHƯƠNG 2

# THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

### 2.1. Đặc điểm tình hình chung tại công ty cổ phần an Thịnh

#### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

##### 2.1.1.1. Quá trình hình thành công ty

Nền kinh tế nước ta đang chuyển mình đi lên và ra sức cạnh tranh cùng khu vực và hòa nhập vào nền kinh tế thế giới. Vì vậy việc xây dựng cơ sở hạ tầng là một nhân tố hết sức quan trọng làm nền tảng cho việc thu hút đầu tư và phát triển. Bên cạnh đó:

- Căn cứ luật doanh nghiệp được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/6/1999

- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty Cổ phần An Thịnh

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của công ty

- Căn cứ giấy phép đăng ký kinh doanh số: 3303070111 do sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 08/03/2005.

Công ty cổ phần An Thịnh được thành lập trong xu hướng chung của sự phát triển và đã góp phần đáp ứng kịp thời công tác xây dựng cơ sở hạ tầng đang rộ lên khắp cả nước, Với:

Tên giao dịch: Công Ty Cổ Phần An Thịnh

Tên quốc tế: ANTHINH JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: ANHTHINH JSC

Trụ sở chính: Khối 3 – Thị trấn Núi Thành – Tỉnh Quảng Nam

Địa chỉ văn phòng làm việc: 15 Hùng Vương, thành phố Tam Kỳ, Quảng Nam.

Vốn điều lệ công ty: 5.000.000.000 đồng

Tổng số cổ phần: 50.000 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu: 100.000 đồng

Tổng cán bộ nhân viên: 88 người

Cán bộ quản lý thực hành: 20 người

Công nhân dịch vụ: 8 người

Công nhân trực tiếp sản xuất: 60 người

- Trình độ đại học: 9 người

- Trình độ trung cấp: 14 người

Công ty cổ phần An Thịnh là một doanh nghiệp tư nhân có trụ sở chính tại khối phố 3 thị trấn Núi Thành Quảng Nam và văn phòng đại diện đóng ở 15 Hùng Vương, Tam Kỳ, Quảng Nam. Với danh sách các cổ đông sáng lập:

#### **Danh sách các cổ đông sáng lập**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Số tiền (nghìn đồng)
1	Nguyễn Công Diễm	15, Hùng Vương, Tam Kỳ, Quảng Nam	27.000	2.700.000
2	Trần Văn Hùng	31 Huỳnh Thúc Kháng, Tam Kỳ, Quảng Nam	20.000	2.000.000
3	Trương Thị Kim Cúc	Phường Thanh Lộc Đán, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng	3.000	300.000

#### **Bảng 2.1: Danh sách các cổ đông sáng lập**

Người đại diện hợp pháp của công ty:

Chức danh chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám Đốc

Họ và tên: Nguyễn Công Diễm

Văn phòng đại diện: Công ty cổ phần An Thịnh

Địa chỉ: 15 Hùng Vương, TP Tam Kỳ, Quảng Nam

Các ngành nghề kinh doanh:

- Khảo sát lập dự án đầu tư: Thiết kế giám sát, thi công xây dựng công trình.

- Lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu, tư vấn tổ chức đấu thầu, tư vấn kiểm tra các công trình xây dựng.

- Lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch điểm dân cư nông thôn, đất nông nghiệp.

- Khoan kết cấu giếng, khoan địa chất công trình, địa chất thủy văn.

- Gia công sản xuất các sản phẩm cơ khí, kinh doanh vật liệu xây dựng.

- Khai thác cát, sỏi, quặng titan.

- Lập đề án khảo sát và khai thác đất dưới nước.

#### *2.1.1.2 Quá trình phát triển của công ty*

Trong những năm qua cùng với sự đổi mới và đi lên của đất nước, dù là một công ty mới thành lập nhưng với đội ngũ cán bộ quản lý và lực lượng công nhân đủ mạnh đã giúp công ty hoàn thành xuất sắc nhiều công trình góp phần thuận lợi xây dựng kinh tế và an ninh quốc phòng như: cầu treo Quế Lâm, gói điện 27, gói điện 33, và nhiều công trình khác.

Trên địa bàn tỉnh Quảng Nam sau nhiều năm xây dựng và trưởng thành, công ty đã phát triển qua nhiều giai đoạn thăng trầm khác nhau. Do mới thành lập nên bước đầu gặp không ít khó khăn về nguồn nhân lực, nguyên liệu. Mặt khác nguồn vốn của công ty có hạn vì 2 năm gần đây nền kinh tế thế giới biến động ít nhiều đã ảnh hưởng đến nền kinh tế ở nước ta nên giá cả nguyên liệu như: xi măng, sắt thép quá cao làm cho tiến độ công trình chậm. Sản phẩm công trình của công ty đôi khi cũng phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên nên đến mùa mưa thì tiến độ công trình hoàn thành sẽ chậm hơn so với dự kiến và tiêu hao nguyên vật liệu nhiều hơn. Tuy nhiên, với sự quyết tâm nỗ lực của anh chị em cán bộ công nhân trong công ty, ngày nay công ty đã có đủ điều kiện, năng lực với đội ngũ cán bộ công nhân lành nghề để tham gia thi công các công trình lớn đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao góp phần phát triển kinh tế của địa phương và đất nước.

### 2.1.1.3. Kết quả hoạt động của công ty cổ phần An Thịnh

#### Báo cáo kết quả hoạt động của công ty

Dvt: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	2013	Phân tích	
			Chênh lệch	Tỉ lệ
Tổng doanh thu	10.059.528.331	10.673.737.432	614.209.101	6,1%
Tổng chi phí	9.894.240.416	10.597.682.400	703.441.984	7,1%
Lợi nhuận trước TTNDN	165.287.915	76.055.032	89.232.883	53,9%
TTNDN phải nộp nhà nước	46.280.616	19.013.758	27.266.858	58,9%
TTNDN được miễn giảm	46.280.616	19.013.758	27.266.858	58,9%
Lợi nhuận sau TTNDN	165.287.925	76.055.032	89.232.883	53,9%

#### Bảng 2.2: Báo cáo kết quả hoạt động của công ty

Nhận xét:

Qua bảng báo cáo tài chính năm 2012-2013, ta thấy: Tổng lợi nhuận năm 2013 giảm so với năm 2012 là 89.232.883 đồng tương ứng với tỉ lệ giảm là 53,9%. Chi phí năm 2013 tăng hơn so với năm 2012 là 703.441.984 đồng tương ứng với tỉ lệ tăng 7,1%. Ta thấy tỉ lệ doanh thu đạt 6,1%, trong khi tỉ lệ chi phí đạt 7,1%, tăng hơn so với tỉ lệ doanh thu 1%. Do đó lợi nhuận của năm 2013 đã giảm so với năm 2012 là 89.232.883 đồng, nguyên nhân là do chi phí nguyên vật liệu cao, vì giá cả nguyên vật liệu đầu vào cao.

Vì công ty có trụ sở tại khu kinh tế mở của tỉnh nên đã được nhà nước miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TTNDN), chính vì vậy, lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp cũng bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

## **2.1.2 Đặc điểm chức năng, nhiệm vụ của công ty**

### **2.1.2.1 Chức năng của công ty**

Công ty cổ phần An Thịnh là một doanh nghiệp tư nhân hoạt động độc lập, có trụ sở riêng và tên riêng, có đủ tư cách pháp nhân, có con dấu riêng.

Căn cứ vào nhu cầu thị trường công ty được quyền mở rộng sản xuất kinh doanh, xây dựng đơn vị, kỹ thuật tiêu thụ sản phẩm bằng nguồn vốn đầu tư, tiền vốn lưu động... và tự cân đối theo quy định của pháp luật. Hơn nữa, hiện nay với cơ sở vật chất được trang bị hiện đại cùng toàn bộ lực lượng cán bộ, công nhân viên năng động, mục tiêu chính của công ty là không ngừng phát triển các loại hình sản xuất kinh doanh, phát huy mọi năng lực để đạt được lợi nhuận cao nhất, cải thiện công tác quản lý kinh doanh, mở rộng địa bàn tìm kiếm đối tác nhằm nâng cao thu nhập cho công ty, đồng thời đảm bảo lợi ích của các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà Nước.

### **2.1.2.2 Nhiệm vụ của công ty**

Quản lý và sử dụng vốn theo đúng chế độ của pháp luật và đạt hiệu quả cao, bảo tồn và phát triển vốn của công ty dưới mọi hình thức hợp lý, thực hiện đầy đủ nghiêm túc các chính sách chủ trương về kế hoạch nghĩa vụ thuế nhà nước.

Xây dựng tổ chức thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng, giải quyết việc làm cho người lao động.

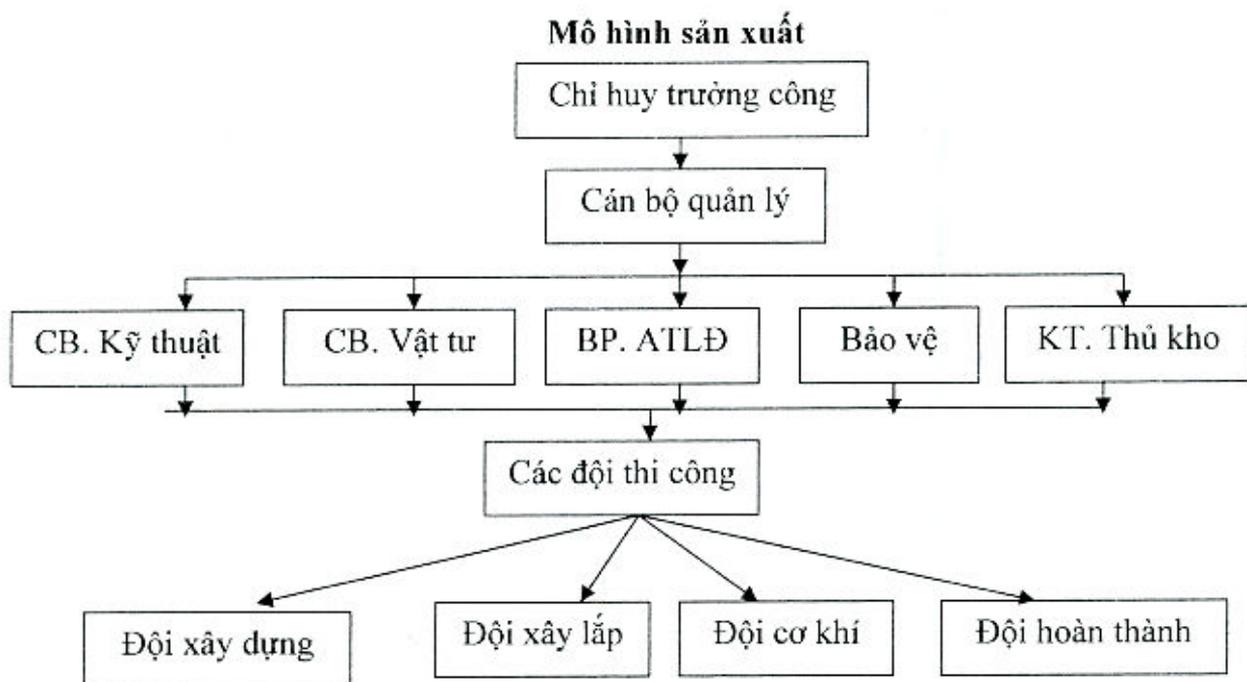
Bồi dưỡng và nâng cao trình độ tay nghề cho đội ngũ lao động, thực hiện phân phối lợi nhuận hợp lý, chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

## **2.1.3 Đặc điểm tổ chức sản xuất, quản lý kinh doanh của công ty cổ phần An Thịnh**

### **2.1.3.1 Đặc điểm tổ chức sản xuất của công ty**

a. Hình thức quản lý sản xuất của công ty:

Để tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt, thì bộ máy sản xuất của công ty rất quan trọng. Vì vậy công ty áp dụng mô hình sản xuất sau:



**Sơ đồ 2.1: Mô hình sản xuất**

**Ghi chú:** —————> Quan hệ trực tuyến

Các đội xây dựng thực hiện nhiệm vụ sản xuất làm ra sản phẩm, công trình hạn mục, sửa chữa đại tu máy móc thiết bị của công ty. Công ty sản xuất ra các sản phẩm và được bàn giao theo hợp đồng đã kí kết.

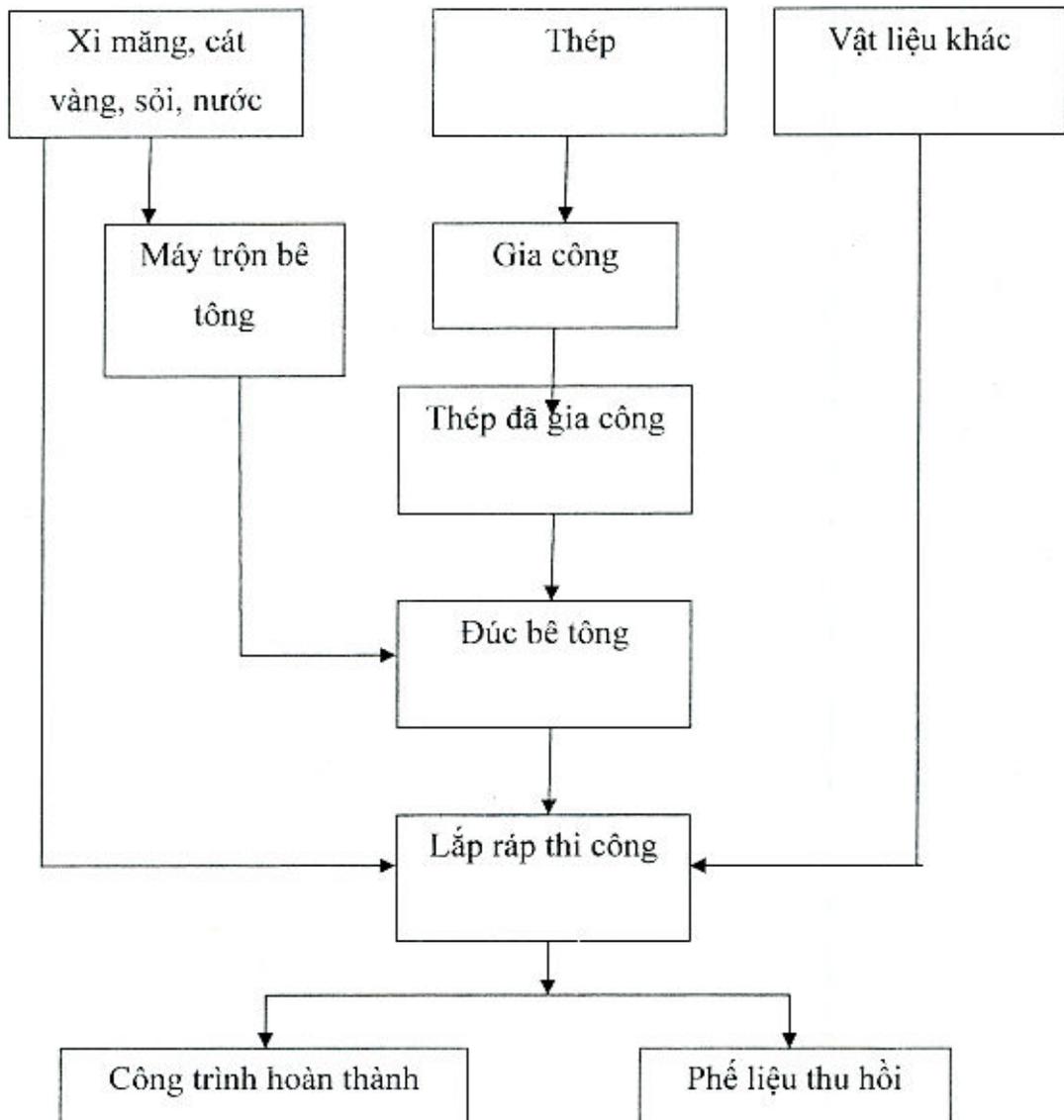
Ban chỉ đạo công trình làm nhiệm vụ giám sát, nghiệm thu, quản lý, nhằm báo cáo cho các phòng quản lý của công ty.

#### b. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm chính

Xây dựng là ngành có quy mô sản xuất phức tạp, đa dạng cần có nhiều công đoạn, nhiều loại vật tư, vật liệu và nhiều dạng chi phí trực tiếp khác mới tạo ra sản phẩm cuối cùng.

Công ty cổ phần An Thịnh là 1 đơn vị xây lắp với phương thức đa ngành đa nghề, đa dạng hóa sản phẩm nên địa bàn hoạt động rộng lớn trải dài trên cả nước. Để đáp ứng nhu cầu kinh tế thị trường hiện nay có sự kiểm soát của nhà nước cũng như để đảm bảo được quá trình sản xuất kinh doanh, nhằm mục đích tạo ra những sản phẩm đúng theo tiêu chuẩn kĩ thuật như đã kí trong hợp đồng. Sau khi công ty lập dự toán tham gia đấu thầu và nhận được công trình, công ty sẽ tổ chức thi công với một quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm như sau:

## Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm



**Sơ đồ 2.2: Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm**

### 2.1.3.2 Đặc điểm sản phẩm

Công ty cổ phần An Thịnh hoạt động chủ yếu và xuyên suốt là thực hiện các hợp đồng kinh tế xây dựng công trình, xây dựng các trụ sở làm việc, trường học và các công trình giao thông thủy lợi. Khảo sát lập dự án đầu tư thiết kế giám sát, thi công xây dựng các công trình. Lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu, tư vấn tổ chức đấu thầu, tư vấn thẩm tra các công trình xây dựng. Lập quy hoạch xây dựng, qui hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, đất nông nghiệp. Khoan kết

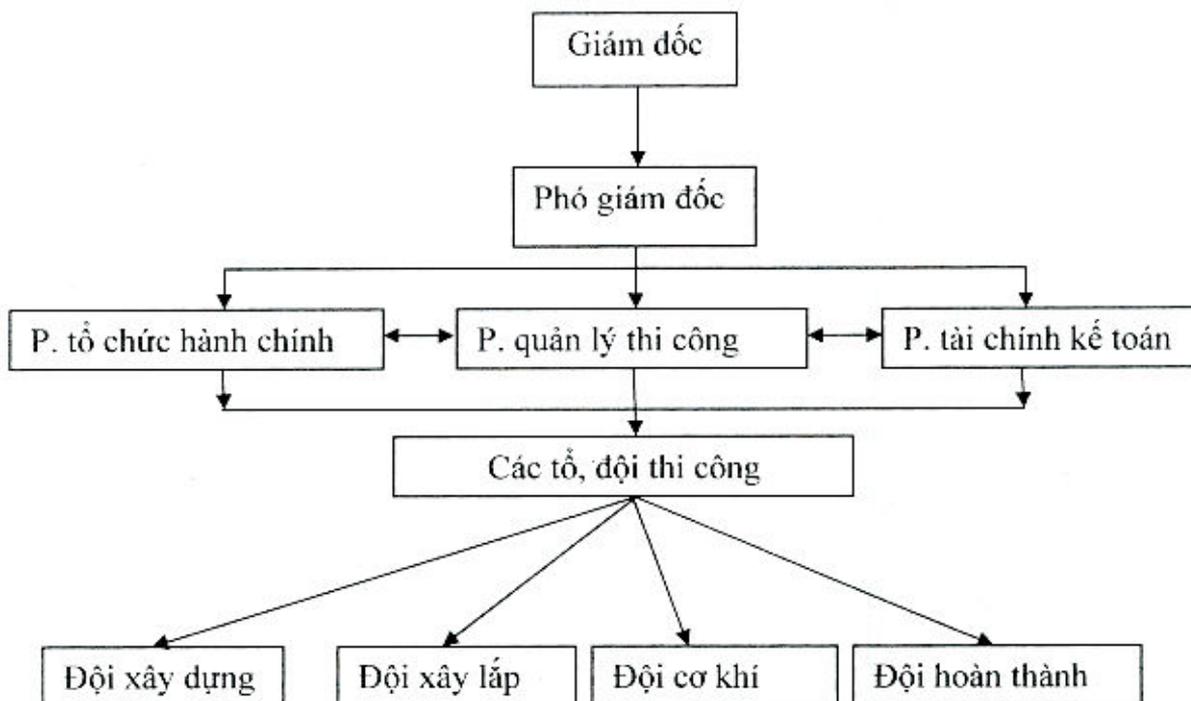
cầu giồng, khoan địa chất công trình, địa chất thủy văn. Gia công sản xuất các sản phẩm cơ khí, kinh doanh vật liệu xây dựng, khai thác cát, sỏi, quặng titan. Tuy nhiên sản phẩm được coi là chủ đạo, đại diện cho tên tuổi của công ty vẫn là những công trình xây dựng. Đây là những sản phẩm có giá trị lớn, thời gian thi công kéo dài, quy mô lớn, kết cấu rất phức tạp nên về công tác quản lý kỹ thuật đòi hỏi tính chính xác cao, công tác quản lý tài chính đòi hỏi phải có tính chặt chẽ và khoa học.

#### 2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

Để tổ chức và điều hành mọi hoạt động của sản xuất kinh doanh có hiệu quả, Công ty cổ phần An Thịnh đã tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến, với mô hình tổ chức này vừa đảm bảo cho lãnh đạo quản lý được một cách toàn diện và có toàn quyền quyết định những vấn đề đặt ra trong nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

##### 2.1.4.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

#### SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ TẠI CÔNG TY



**Ghi chú:** —————> Quan hệ chỉ đạo (quan hệ trực tuyến)

—————<—> Quan hệ phối hợp

Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

#### 2.1.4.2 Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo kiểu trực tuyến. Đứng đầu là giám đốc, dưới là phó giám đốc, , dưới phó giám đốc là các phòng ban, kế đến là các tổ, đội thi công. Mỗi bộ phận, phòng ban đều có nhiệm vụ, chức năng riêng tạo thành thể thống nhất để điều hành quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

**Giám đốc:** là người có thẩm quyền cao nhất, chịu trách nhiệm toàn diện và điều hành toàn bộ hoạt động của công ty; là người trực tiếp chỉ đạo công tác kế hoạch tháng, quý, năm, công tác tài chính kế toán, công tác tổ chức cán bộ, công tác thanh tra, thi đua khen thưởng.

**Phó giám đốc:** là người có nhiệm vụ thay Giám Đốc điều hành điều hành mọi công việc theo sự phân công ủy quyền của Giám Đốc.

**Phòng tổ chức hành chính:** Thực hiện công tác tổ chức cán bộ và người lao động, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ theo chủ trương của Giám Đốc. Tham mưu cho Giám Đốc về việc tiếp nhận hoặc cho thôi việc, điều động nhân lực và sắp xếp cơ cấu quản lý bộ máy công ty. Sắp xếp đồ án theo tổ chức, chuẩn bị các thủ tục hợp đồng cán bộ công nhân viên theo yêu cầu sản xuất.

**Phòng quản lý thi công:** Giám sát thi công, nghiệm thu giám sát công trình, nghiên cứu các vấn đề kỹ thuật, sản phẩm nhằm nâng cao năng suất lao động. Tất cả các bản vẽ chứng chỉ, văn bản phục vụ thi công hoàn thành công trình, hạng mục công trình được thành lập vào hồ sơ hoàn thành công trình và được bảo lưu tại phòng nghiệp vụ ít nhất một bản.

**Phòng tài chính kế toán:** Thực hiện chức năng giám đốc về mặt tài chính, thu thập số liệu phản ánh vào sổ sách và cung cấp thông tin kinh tế kịp thời phục vụ cho việc ra quyết định của Giám đốc. Thường xuyên báo cáo kịp thời tình hình tài chính, đưa ra biện pháp hạ giá thành, tiết kiệm chi phí, lập kế hoạch quản lý tài chính, chỉ tiêu hợp lý, làm nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, quản lý kế toán các đội thi công, quyết toán các công trình.

**Các tổ, đội thi công:** Gồm 4 đội và chịu sự giám sát lãnh đạo trực tiếp của các phòng ban, tham gia trực tiếp vào quá trình thi công công trình, mỗi đội có đội trưởng quản lý và tổ chức sản xuất.

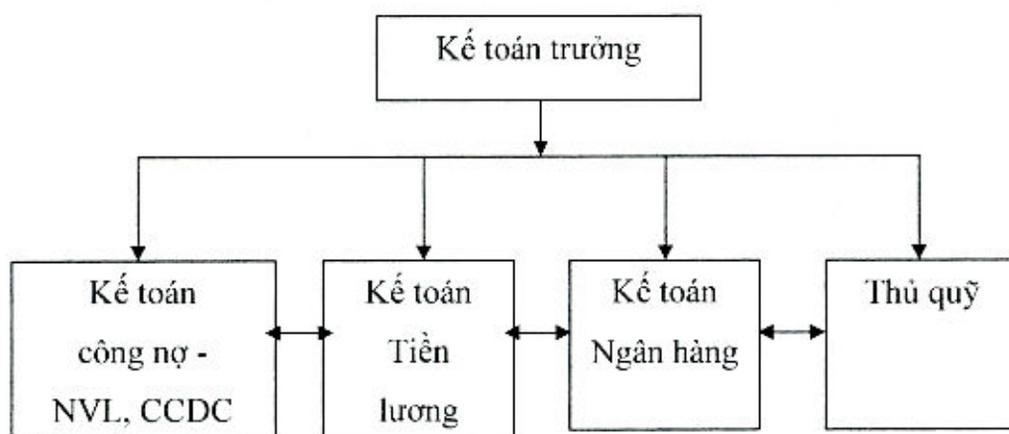
### 2.1.5 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty

#### 2.1.5.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Nhằm đảm bảo cho công tác kinh tế, giám sát và quản lý tốt tình hình tài chính, công ty cổ phần An Thịnh đã chọn mô hình kế toán tập trung để áp dụng cho công ty mình. Theo mô hình này, công ty tổ chức một phòng kế toán làm nhiệm vụ hạch toán chi tiết và tổng hợp, lập báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán toàn công ty, ở các đội sản xuất, không tổ chức bộ phận kế toán riêng mà chỉ bố trí các nhân viên kế toán hoặc thống kê thu thập chứng từ. Định kì gửi về phòng kế toán của công ty để hạch toán và lưu trữ.

#### a. Sơ đồ bộ máy kế toán

#### SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY



**Sơ đồ 2.4: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty**

**Ghi chú:** —————> Quan hệ chỉ đạo ( quan hệ trực tuyến)

—————<—> Quan hệ phối hợp

#### b. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận

Phòng tài chính kế toán của công ty có 5 người: Kế toán trưởng, 3 cán bộ kế toán và 1 thủ quỹ. Ở các đội công trình có bố trí cán bộ thống kê hoặc kế toán.

**Kế toán trưởng:** Thực hiện theo pháp lệnh kế toán trưởng, là người trực tiếp thông báo, cung cấp thông tin kế toán, cho ban giám đốc công ty, đề xuất các ý kiến về tình hình phát triển của công ty như chính sách của công ty như huy động vốn, chính sách đầu tư vốn sao cho có hiệu quả. Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm chung về các thông tin do phòng kế toán cung cấp, là người thay mặt giám đốc công ty tổ chức công tác kế toán tại công ty, thực hiện các khoản đóng góp với ngân sách Nhà Nước.

**Kế toán công nợ - nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:** Theo dõi thu chi thanh toán công nợ nội bộ công ty đối với các ban chỉ huy phòng ban. Ghi chép số liệu vào các sổ sách kế toán có liên quan như: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tiền vay. Theo dõi tình hình thanh toán công nợ giữa người mua và người bán, người nhận tạm ứng.

Theo dõi tình hình xuất, nhập, tồn kho vật tư và ghi sổ có liên quan, theo dõi sự biến động của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Tham gia kiểm kê thường xuyên và bất thường các loại vật tư.

**Kế toán tiền lương:** Tính toán số lương phải trả cho từng cán bộ công nhân viên, trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCD theo tỷ lệ quy định hiện hành. Hàng tháng lập bảng phân bổ tiền lương, kiểm tra bảng chấm công, theo dõi tình hình tăng giảm số lượng lao động.

Theo dõi sự biến động của tài sản cố định, trích lập khấu hao, xác định giá trị còn lại của các loại tài sản đang dùng, không cần dùng, chờ thanh lý để đề xuất các ý kiến trong việc đầu tư và quản lý tài sản.

**Kế toán ngân hàng:** Thực hiện các công việc liên quan đến nghiệp vụ ngân hàng, cùng thủ quỹ đi ngân hàng rút tiền, chuyển tiền, vay vốn tín dụng.

**Thủ quỹ:** Quản lý tiền mặt tại công ty, thu chi các phiếu thu chi bằng tiền mặt đã được duyệt hằng ngày, định kỳ và cuối tháng. Hằng ngày phải kiểm kê quỹ, các khoản thu chi trong ngày và tồn quỹ cuối ngày.

### 2.1.5.2 Chế độ kế toán áp dụng trong công ty

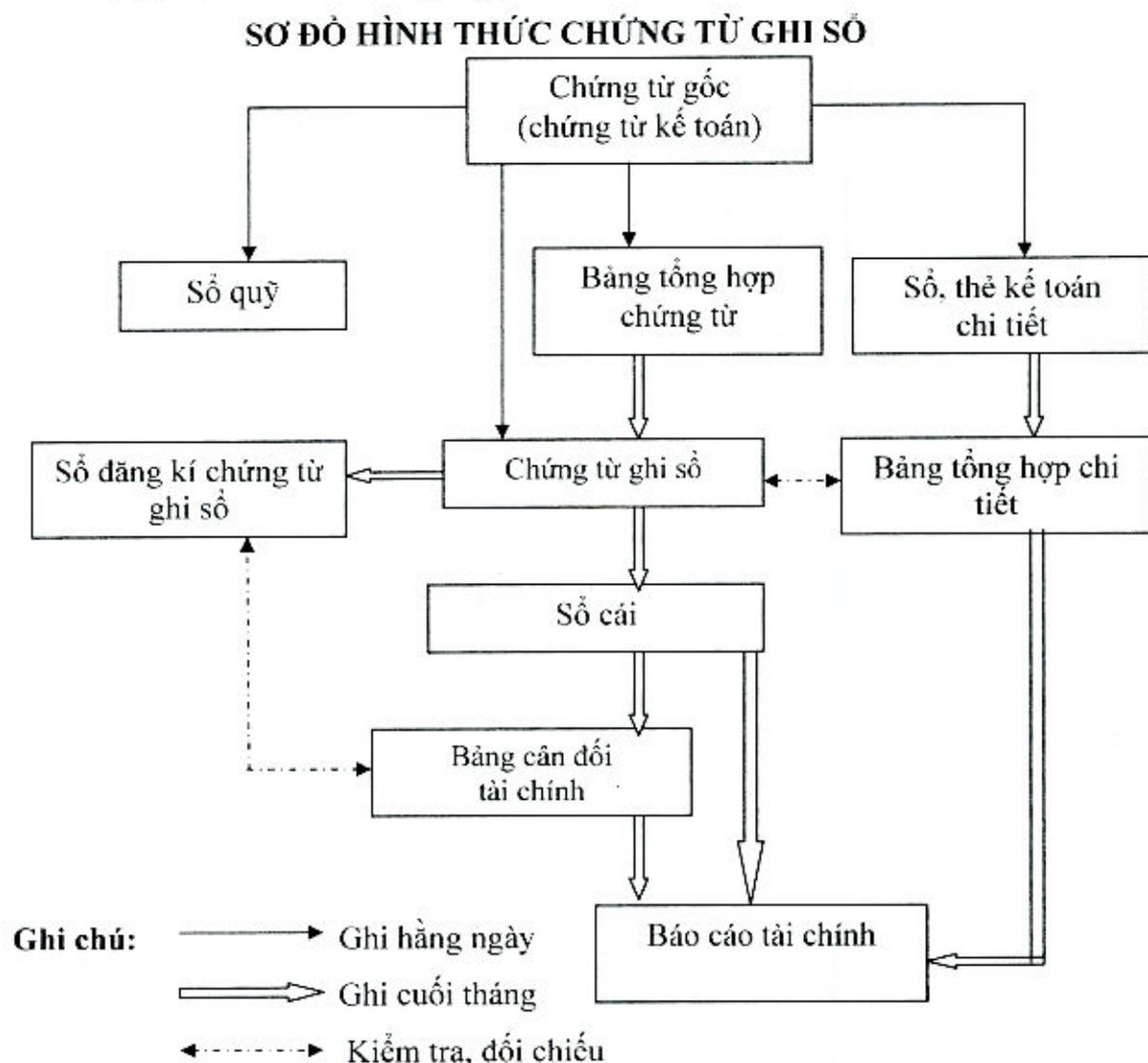
Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán: Kỳ kế toán của công ty thường là 1 tháng. Cuối tháng kế toán tiến hành khóa sổ 1 lần.

Hình thức kế toán áp dụng: Để phù hợp với công tác quản lý kế toán và để cho việc hạch toán dễ dàng hơn công ty đã áp dụng hình thức *chứng từ ghi sổ* để tổ chức hệ thống sổ sách kế toán.

#### a. Sơ đồ hình thức chứng từ ghi sổ



Sơ đồ 2.5: Hình thức chứng từ ghi sổ

## b. Trình tự ghi sổ

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc hoặc Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ.

- Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, tính tổng số phát sinh nợ, tổng số phát sinh có và số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái, căn cứ vào Sổ Cái để lập Bảng Cân Đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp và đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư nợ và tổng số dư có của các tài khoản trên Bảng Cân Đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân Đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

## 2.2 Thực trạng về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty

### 2.2.1 Chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty cổ phần An Thịnh

#### 2.2.1.1 Nội dung cấu thành chi phí sản xuất tại công ty cổ phần An Thịnh

Chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp bao gồm các loại chi phí có liên quan đến việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã được tập hợp vào bên Nợ các tài khoản: TK 621, TK 622, TK 623, TK 627.

- Tập hợp chi phí nguyên vật liệu là tập hợp tất cả các chi phí về nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu và các vật liệu khác dùng để trực tiếp sản xuất ra phẩm.

Nguyên vật liệu chính: xi măng, gạch, sắt, thép...

Nguyên vật liệu phụ: Sơn, đinh...

Chi phí nhân công trực tiếp là các khoản thù lao lao động phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất sản phẩm như các khoản tiền lương, phụ cấp... Không bao gồm các khoản trích theo lương.

- Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình sử dụng máy thi công để thực hiện khối lượng xây lắp bằng máy theo phương thức thi công hỗn hợp.

- Chi phí sản xuất chung phản ánh các khoản chi phí sản xuất của đội, công trình xây dựng như: Chi phí nhân viên quản lý công trình, chi phí vật liệu công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

#### 2.2.1.2 Phương pháp phân bổ chi phí tại công ty Cổ phần An Thịnh

##### a. Phân bổ sử dụng máy thi công

Máy thi công sử dụng cho công trình nào thì được hạch toán trực tiếp vào công trình đó, trường hợp máy sử dụng cho nhiều công trình thì kế toán tiến hành phân bổ theo tiêu thức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Công thức:

$$\text{Chi phí sử dụng máy thi công của từng công trình, hạng mục công trình} = \frac{\text{Chi phí sử dụng MTC phát sinh trong kỳ}}{\text{Tổng chi phí NVLTT phát sinh trong kỳ}} * \text{Chi phí NVLTT phát sinh của từng công trình, hạng mục công trình}$$

##### b. Phân bổ chi phí sản xuất chung

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung theo phương pháp trực tiếp, chi phí sản xuất chung của đội xây dựng nào kết chuyển vào tính giá thành của sản phẩm, công việc của đội xây dựng đó. Trong trường hợp một đội xây dựng trong kỳ có xây dựng nhiều công trình, hạng mục công trình thì phải tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho các công trình, hạng mục công trình có liên quan. Tiêu chuẩn để phân bổ chi phí sản xuất chung có thể là:

+ Phân bổ theo chi phí tiền công trực tiếp

- + Phân bổ theo chi phí sử dụng máy thực tế
- + Phân bổ theo chi phí tiền công và chi phí sử dụng máy thực tế
- + Phân bổ theo định mức chi phí sản xuất chung

$$\text{Mức chi phí SXC phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tổng CP SXC cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ}} * \frac{\text{tiêu thức phân bổ của từng đối tượng}}$$

## 2.2.2 Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty Cổ phần An Thịnh

### 2.2.2.1 Đối tượng tập hợp chi phí tại công ty Cổ phần An Thịnh

Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là khâu đầu tiên và đặc biệt quan trọng trong công tác tập hợp chi phí sản xuất.

Công ty Cổ phần An Thịnh là một công ty hoạt động chủ yếu trên lĩnh vực xây dựng cơ bản. Từ các đặc điểm sản phẩm, đặc điểm quy trình sản xuất của ngành xây dựng quy trình thi công thường lâu dài, phức tạp, sản phẩm mang tính đơn chiếc cố định, thường là các công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông thủy lợi, cơ sở hạ tầng,... Mỗi công trình có một thiết kế kỹ thuật riêng, một đơn giá dự toán riêng gắn với một địa điểm nhất định. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu quản lý công trình của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm công ty phải có các phương pháp thi công khác nhau phù hợp với từng công trình, do đó, đòi hỏi kế toán phải hạch toán chi phí và tính giá thành cho từng công trình một. Vì thế, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất ở công ty được xác định là các công trình, hạng mục công trình. Công ty tiến hành thi công các công trình trên cơ sở tham gia đấu thầu công khai theo quy định của chính phủ.

### 2.2.2.2 Đối tượng tính giá thành của công ty Cổ phần An Thịnh

Đối tượng tính giá thành của công ty Cổ phần An Thịnh là công trình, hạng mục công trình.

Trên cơ sở đối tượng hạch toán, chi phí sản xuất đã xác định phương pháp hạch toán chi phí sản xuất ở công trình là phương pháp trực tiếp theo sản phẩm của công ty. Theo phương pháp này chi phí được tập hợp cho toàn bộ sản

phẩm theo 4 mục chi phí: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung.

Trong thời gian thực tập tại công ty Cổ phần An Thịnh để thuận lợi cho công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành các công trình, hạng mục công trình, có các công trình đã hoàn thành và chưa hoàn thành. Trong báo cáo thực tập này em xin trình bày số liệu thực tế của công ty với công trình “Trường thanh niên dân tộc miền núi Nam Giang”.

### ***2.2.3 Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty Cổ phần An Thịnh***

Công ty tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### ***2.2.3.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp***

##### **a. Nội dung**

Nguyên vật liệu chính: xi măng, gạch, sắt, thép...

Nguyên vật liệu phụ: Sơn, đinh...

Vật liệu chính trong khoản này là giá trị thực tế của vật liệu tính trong công trình bao gồm giá mua và chi phí mua, chi phí vận chuyển.

##### **b. Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 621 “chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”

##### **c. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Do đối tượng tập hợp chi phí sản xuất ở công ty là công trình hạng mục công trình hay khối lượng xây dựng đã hoàn thành cho nên toàn bộ giá trị nguyên vật liệu trực tiếp dùng vào sản xuất cho công trình, hạng mục công trình nào thì được phân bổ trực tiếp.

Trong quá trình thi công Trường thanh niên dân tộc miền núi Nam Giang (Trường TNDTMN Nam Giang) có các chứng từ sau: phiếu đề nghị xuất vật tư, phiếu xuất kho, phiếu nhập xuất thẳng, phiếu đề nghị hạch toán, phiếu chi tiền mặt...

Dưới đây là một số nghiệp vụ hạch toán thực tế chi phí nguyên vật liệu tại công ty.

Ngày 02/07/2013, bộ phận thi công công trình Trường TNĐTMN Nam Giang gửi phiếu yêu cầu xuất nguyên liệu, vật liệu để thi công gồm: xi măng kim đinh với số lượng 200 tấn; sắt với số lượng 510 kg. Yêu cầu cấp ngày 05/07/2013.

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**  
**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

**PHIẾU ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ**

Ngày 02 tháng 07 năm 2013

Tôi tên là: Nguyễn Công Vinh

Địa chỉ: Kỹ thuật

Công trình: Trường TNĐTMN Nam Giang

Kính đề nghị BGD công ty cho tôi được yêu cầu xuất vật tư, vật liệu cụ thể như sau:

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Xi măng kim đinh	Tấn	200		
02	Sắt	Kg	510		
<b>Tổng cộng</b>					

Tam Kỳ, ngày 02 tháng 07 năm 2013

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Người đề nghị**  
(Ký, họ tên)

**Nguyễn Công Điềm**

**Nguyễn Công Vinh**

**Bảng 2.3: Phiếu đề nghị xuất vật tư**

Sau khi được ban lãnh đạo duyệt, phòng kế toán dự vào giấy yêu cầu xuất vật tư lên bảng dự trữ cung cấp vật tư cho công trình. Cụ thể: xuất xi măng kim đinh với đơn giá 1.300.000 đồng/tấn; Sắt với đơn giá 12.000 đồng/ kg.

Căn cứ vào giấy yêu cầu xuất vật tư kế toán lên bảng kê vật tư và được ghi chi tiết vào các công trình.

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**

Mẫu số:02-VT

**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

(QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

### PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 07 năm 2013

Số: 1/X                      Nợ TK:621

Tên và địa chỉ người nhận: Nguyễn Công Vinh      Có TK: 152

Địa chỉ: Bộ phận kỹ thuật - Công ty Cổ phần An Thịnh

Lý do: Thi công công trình “Trường TNĐTMN Nam Giang”

Xuất tại kho: Nguyên vật liệu.

DVT: Đồng

S T T	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
01	Xi măng kim đinh	Tấn	200	200	1.300.000	260.000.000
02	Sắt	Kg	510	510	12.000	6.120.000
<b>Tổng cộng</b>						<b>266.120.000</b>

Số tiền bằng chữ: Hai trăm sáu mươi sáu triệu một trăm hai mươi nghìn đồng y.

Tam Kỳ, Ngày 05 tháng 07 năm 2013

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Lan	Nguyễn Công Vinh	Lê Thu Hiền	Nguyễn Công Điem

**Bảng 2.4: Phiếu xuất kho**

Đối với vật tư mua ngoài: Trong xây dựng có một số vật liệu không thể được dự trữ nhiều trong kho như: cát, gạch, sỏi... do đó, khi có nhu cầu sử dụng ta phải mua ngoài.

Ngày 28/7/2013 bộ phận thi công công trình Trường TNĐTMN Nam Giang gửi phiếu yêu cầu xuất nguyên liệu, vật liệu để thi công gồm: Cát với số lượng 100m<sup>3</sup>; Gạch với số lượng 15.000 viên; Đá Hộc với số lượng 30 m<sup>3</sup>; Tôn 2 ly với số lượng 1.300 m<sup>2</sup>. Yêu cầu cấp ngày 05/08/2013.

<b>Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh</b>					
<b>Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam</b>					
<b>PHIẾU ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ</b>					
Ngày 28 tháng 07 năm 2013					
Tôi tên là: Nguyễn Công Vinh					
Địa chỉ: Kỹ thuật					
Công trình: Trường TNĐTMN Nam Giang					
Kính đề nghị BGD công ty cho tôi được yêu cầu xuất vật tư, vật liệu cụ thể như sau:					
STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Cát	m <sup>3</sup>	100		
02	Gạch 6 lỗ	viên	15.000		
03	Đá Hộc	m <sup>3</sup>	30		
04	Tôn 2 ly	m <sup>2</sup>	1.300		
<b>Tổng cộng</b>					
			<i>Tam Kỳ, ngày 02 tháng 07 năm 2013</i>		
<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên)			<b>Người đề nghị</b> (Ký, họ tên)		
Nguyễn Công Diễm			Nguyễn Công Vinh		

**Bảng 2.5: Phiếu đề nghị xuất vật tư**

Sau khi có giấy yêu cầu xuất vật tư của đội trưởng đội thi công, phòng kỹ thuật sẽ xem xét và quyết định chủng loại số lượng vật tư cần mua, mua bao nhiêu xuất bấy nhiêu. Sau khi được bao lãnh đạo duyệt, đội trưởng cử người đi mua, hóa đơn sẽ chuyển về phòng kế toán của công ty.

Mẫu số 01/GTKT-3LL

Ký hiệu HD:BH / 2003N

Số : 00355

**HÓA ĐƠN (GTGT)**  
**(Liên 2 giao cho khách hàng)**

Ngày 05 tháng 08 năm 2013

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Trần Đây

Địa chỉ: 02 Phan Châu Trinh – Tam Kỳ

Số tài khoản: .....

Điện thoại: 05103256257 Mã số thuế: 4000362180

Họ tên người mua hàng:

Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh

Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam

Số tài khoản: .....

Hình thức thanh toán: Tiền mặt Mã số thuế: 4000111333

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Cát	m <sup>3</sup>	100	120.000	12.000.000
02	Gạch 6 lỗ	Viên	15.000	680	10.200.000
03	Đá Hộc	m <sup>3</sup>	30	45.000	1.350.000
04	Tôn 2 ly	m <sup>2</sup>	1.300	76.000	98.800.000
<i>Cộng tiền hàng tháng</i>					122.350.000
<i>Tiền thuế giá trị gia tăng (10%):</i>					12.235.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>134.585.000</b>

Tổng số tiền viết bằng chữ: Một trăm ba mươi bốn triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng y.

Số chứng từ kèm theo:

Người mua hàng      Người bán hàng      Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Lan      Lê Văn Hoàng      Dương Văn Hùng

**Bảng 2.6: Hóa đơn giá trị gia tăng**

Những nguyên vật liệu mua ngoài, công ty sẽ chuyển thẳng vào thi công công trình.

1 Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh

Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam

**PHIẾU NHẬP XUẤT THẲNG**

Ngày 05 tháng 08 năm 2013

Số : 1/ NXT

Nợ TK : 621,133

Có TK : 331

Họ tên người giao hàng: Công ty TNHH Trần Đây

Theo: Hóa đơn Số: 014325 ngày 05 tháng 08 năm 2013 của công ty TNHH Trần Đây

Tên người nhận: Nguyễn Công Vinh

Bộ phận: Kỹ thuật, công ty Cổ phần An Thịnh

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Cát	m <sup>3</sup>	100	120.000	12.000.000
02	Gạch 6 lỗ	Viên	15.000	680	10.200.000
03	Đá Hộc	m <sup>3</sup>	20	45.000	1.350.000
04	Tôn 2 ly	m <sup>2</sup>	1.300	76.000	98.800.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>122.350.000</b>

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng y.

Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Tam Kỳ, ngày 05 tháng 08 năm 2013

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người giao hàng (Ký, họ tên)	Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Lan	Lê Văn Hoàng	Nguyễn Công Vinh	Lê Thu Hiền

**Bảng 2.7: Phiếu nhập xuất thẳng**

Sau khi mua nợ vật tư của công ty TNHH Trần Đây, phòng kế toán sẽ tiến hành lập phiếu đề nghị hạch toán gửi cho Ban giám đốc duyệt.

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**

**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

### **PHIẾU ĐỀ NGHỊ HẠCH TOÁN**

Kính gửi : Ban giám đốc công ty

Tôi tên là: Nguyễn Thị Lan

Bộ phận công tác: Phòng kế toán

Tôi có mua vật tư tại công ty TNHH Trần Đây vào ngày 05/08/2013 để phục vụ cho công trình Trường TNDTMN Nam Giang.

Với các loại vật tư theo hóa đơn số: 00355

Với tổng số tiền thanh toán: 134.585.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm ba mươi bốn triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng y .

Chưa trả tiền cho đơn vị bán. Kính đề nghị Ban giám đốc cho tôi được hạch toán vào nợ phải trả cho khách hàng.

Xin chân thành cảm ơn!

Tam Kỳ, ngày 28 tháng 07 năm 2013

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

Người đề nghị  
(Ký, họ tên)

Nguyễn Công Diễm

Nguyễn Thị Lan

**Bảng 2.8: Phiếu đề nghị hạch toán**

Cuối kì, căn cứ vào các chứng từ, kế toán lên bảng tổng hợp vật tư xuất dùng cho công trình, tập hợp các chi phí để tính giá thành.

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**

**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

**BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ XUẤT DÙNG THI CÔNG CÔNG TRÌNH  
TRƯỜNG TNĐTMN NAM GIANG**

Quý III năm 2013

DVT: Đồng

Chứng từ		Tên NL - VL	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Số	Ngày					
1/X	05/07	Xi măng kim dính	Tấn	200	1.300.000	260.000.000
		Sắt	Kg	510	12.000	6.120.000
1/NXT	05/08	Cát	m <sup>3</sup>	100	120.000	12.000.000
		Gạch 6 lỗ	viên	15.000	680	10.200.000
		Đá hộc	M <sup>3</sup>	30	45.000	1.350.000
		Tôn 2 ly	M <sup>2</sup>	1.300	76.000	98.800.000
<b>Tổng cộng</b>						388.470.000

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lê Thu Hiền

**Bảng 2.9: Bảng tổng hợp vật tư xuất dùng thi công công trình Trường  
TNĐTMN Nam Giang**

Căn cứ vào những chứng từ gốc ở trên, kế toán lập chứng từ ghi sổ vào sổ cái TK 621

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**

Mẫu số:S02a-DN

**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam** (QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 01

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

DVT: Đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xuất kho vật tư phục vụ cho công trình	621	152	266.120.000	1/X
<b>Tổng cộng</b>			<b>266.120.000</b>	

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Lan

Lê Thu Hiền

**Bảng 2.10: Chứng từ ghi sổ**

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**

Mẫu số: S02a-DN

**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng**

(QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

**Nam**

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 02

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

ĐVT: Đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua vật liệu phục vụ cho công trình chưa trả tiền người bán	621	331	122.350.000	1/NXT
Thuế GTGT đầu vào	133	331	12.235.000	
<b>Tổng cộng</b>			<b>134.585.000</b>	

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Lan

Lê Thu Hiền

**Bảng 2.11: Chứng từ ghi sổ**

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**

Mẫu số: S02a-DN

**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng**

(QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

**Nam**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 03

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

ĐVT: Đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển toàn bộ chi phí NVLTT phát sinh trong kỳ vào TK 154	154	621	388.470.000	
<b>Tổng cộng</b>			<b>388.470.000</b>	

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Lan

Lê Thu Hiền

**Bảng 2.12: Chứng từ ghi sổ**

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**  
**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

Mẫu số: S02c1-DN  
 (QĐ số 15/2006/QĐ-  
 BTC)

**SỔ CÁI**

Quý III năm 2013

Tên TK: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu TK: 621

Công trình: Trường TNĐTMN Nam Giang

ĐVT: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh trong tháng			
30/09	1/X	05/07	Xuất xi măng phục vụ công trình	152	260.000.000	
30/09	1/X	05/07	Xuất sắt phục vụ công trình	152	6.120.000	
30/09	1/NX T	05/08	Mua vật liệu phục vụ công trình	331	122.350.000	
30/09		30/09	Kết chuyển chi phí NVLTT	154		388.470.000
<b>Cộng số phát sinh</b>					<b>388.470.000</b>	<b>388.470.000</b>
<b>Số dư cuối tháng</b>						

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người ghi sổ  
 (Ký, họ tên)  
 Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)  
 Lê Thu Hiền

Giám đốc  
 (Ký, họ tên)  
 Nguyễn Công Điềm

**Bảng 2.13: Sổ cái**

### 2.2.3.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

#### a. Nội dung

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản thù lao lao động phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất các sản phẩm như: tiền lương, các khoản phụ cấp, tiền ăn ca .... Không bao gồm các khoản trích theo lương.

#### b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 622 "chi phí nhân công trực tiếp"

#### c. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

Công ty ký hợp đồng giao khoán theo từng công trình, hạng mục công trình, tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất công trình nào thì hạch toán thẳng vào công trình đó, không phân bổ chi phí nhân công trực tiếp sản xuất. Công ty không trả lương trực tiếp cho công nhân mà chỉ trả cho đội, công ty khoán công nhân theo khối lượng dự toán. Những công nhân thi công công trình được công ty ký hợp đồng ba tháng, vì vậy chi phí nhân công trực tiếp sản xuất không bao gồm chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ.

Do tính chất quan trọng của chi phí nhân công trực tiếp, là một trong những yếu tố quan trọng để tạo nên giá trị sản phẩm. Chính vì thế, công ty luôn cố gắng hạch toán chi phí nhân công một cách có hiệu quả nhất nhằm động viên, khuyến khích người lao động tạo ra được những sản phẩm tốt, nâng cao năng suất lao động. Từ đó tạo ra được doanh thu, đảm bảo thu nhập cao cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

Nhân công trực tiếp trong ngành xây dựng là những người trực tiếp tham gia vào việc thi công công trình đó.

Việc hạch toán kế toán chính xác chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương có vị trí quan trọng, là cơ sở để xác định giá thành sản phẩm và giá bán của sản phẩm.

Để tập hợp chi phí nhân công trực tiếp kế toán căn cứ vào bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương,....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Nam , ngày 01 tháng 07 năm 2013

**HỢP ĐỒNG GIAO KHOẢN**

V/V: Thi công xây dựng công trình

Công trình : Trường thanh niên dân tộc miền núi Nam Giang

**I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG**

Căn cứ pháp lệnh hợp đồng kinh tế ngày 28 /9/1989 của hội đồng nhà nước và văn bản hướng dẫn thi hành các cấp :

Căn cứ xây dựng công trình trường thanh niên dân tộc miền núi Nam Giang Theo sự thỏa thuận của hai bên

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2013 tại văn phòng công ty cổ phần An Thịnh chúng tôi gồm có các bên sau đây :

**II. CÁC BÊN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG**

**1. Bên giao thầu ( gọi tắt bên A)**

- Tên đơn vị : công ty cổ phần An Thịnh

- Địa chỉ trụ sở chính: khối 3 – thị trấn Núi Thành – Quảng Nam

- Địa chỉ văn phòng làm việc : 15 Hùng Vương- Tam Kỳ - Quảng Nam

- Người đại diện : Nguyễn Công Diễm chức vụ : Giám đốc

- Điện thoại : 05106272023 Fax: 05103810208

-Số tài khoản : 4221201000580 tại ngân hàng NN-PTNT khu KTM

Chu Lai

-Mã số thuế : 4000411303

**2. Bên nhận thầu ( gọi tắt bên B )**

- Người đại diện : Phan Thanh Hải

- Sinh ngày : 08/11/1976

- CMND : 205707859 Ngày cấp 15/08/2002 Nơi cấp CA Quảng Nam

- Điện thoại : 0935 347 373

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng xây dựng với những điều khoản sau:

**Điều 1 :** Nội dung công việc và sản phẩm của hợp đồng

Bên A giao cho bên B thực hiện thi công

Công trình : trường thanh niên dân tộc miền núi Nam Giang

Hạng mục : xây lắp

Địa điểm : huyện Nam Giang

Theo thiết kế được phê duyệt , được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định

**Điều 2 :** Chất lượng và các yếu tố kỹ thuật , mỹ thuật phải thực hiện theo đúng thiết kế đảm bảo sự bền vững và chính xác của kết cấu xây dựng theo quy định, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam .

**Điều 3 :** Thời gian và tiến độ thực hiện :

- Bắt đầu ngày 01 tháng 07 năm 2013
- Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

- Trường hợp bên B không đảm bảo tiến độ theo cam kết phải chịu phạt hợp đồng , mức độ phạt 0.07 % mỗi ngày , mức phạt tối đa 12 % giá trị hợp đồng

**Điều 4 :** Điều kiện nghiệm thu và bàn giao công trình xây dựng tuân theo các quy định và quản lý chất lượng công trình , bên A sẽ thực hiện nghiệm thu từng công việc , từng bộ phận , giai đoạn thi công , từng hạng mục công trình và đưa vào sử dụng đúng yêu cầu thiết kế , đảm bảo chất lượng mỹ thuật.

**Điều 5 :** Giá trị tạm tính hợp đồng khoán:

Hợp đồng trị giá : 250.000.000 đồng

Đơn giá khoán :

Cán bộ quản lý : 110.000 đến 120.000 đ/ ngày

CN bậc 1 : 90.000 đ/ngày

CN bậc 2 : 90.000 đ/ ngày

**Điều 6 :** Thanh toán hợp đồng

Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

**Điều 7 :** Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng trong xây dựng, các bên phải có trách nhiệm thương lượng , giải quyết kịp thời nhanh chóng.

**Điều 8 :** Tạm dừng , hủy bỏ hợp đồng

- Tạm dừng thực hiện hợp đồng : do lỗi của bên giao thầu hoặc bên nhận thầu gây ra các trường hợp bất khả kháng còn các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận

- Hủy bỏ hợp đồng : một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng và điều kiện hủy bỏ , bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

**Điều 9 :** Quyền và nghĩa vụ chung

- Bên A cung cấp đầy đủ nguyên vật liệu , điện nước kịp thời đến chân công trình , các cán bộ kỹ thuật phải thường xuyên có mặt tại công trình để chỉ dẫn kỹ thuật và kiểm tra chất lượng .

- Hợp đồng này có giá trị pháp lý như nhau , hợp đồng được làm hai bản, mỗi bên giữ một bản và có giá trị từ ngày ký

**Đại diện bên A**

**Đại diện bên B**

Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh  
Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam

**BẢNG CHẤM CÔNG**  
Bộ phận: Đội thi công  
Công trình: Trường THPTMN Nam Giang

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	NGÀY TRONG THÁNG										TỔNG CỘNG			
			1	2	3	4	5	6	7	...	29	30		31		
1	Phan Thanh Hải	TT	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	28
2	Trần Bá	CN Bạc I	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	30
3	Lê Quốc Bảo	CN Bạc I	X	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	29
4	Nguyễn Văn Anh	CN Bạc II	X	X	X	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	28
5	Nguyễn Thanh	CN Bạc I	X	X	X	X	X	X	X	X	0	X	X	X	0	29
...	.....															
15	Hà Văn Phong	CN Bạc I	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	30
<b>Tổng cộng</b>															<b>433</b>	

Giám đốc  
(Ký, họ tên)  
Nguyễn Công Diễm

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)  
Nguyễn Thị Thư

Ngày 31 tháng 07 năm 2013  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)  
Lê Thu Hiền

**Bảng 2.14 : Bảng chấm công**

Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh  
 Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam

**BẢNG CHẤM CÔNG**

Bộ phận: Đội thi công

Công trình: Trường THPTMN Nam Giang

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	NGÀY TRONG THÁNG												TỔNG CỘNG	
			1	2	3	4	5	6	7	...	29	30	31			
1	Phan Thanh Hải	TT	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	30
2	Trần Bá	CN Bạc I	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	31
3	Lê Quốc Bảo	CN Bạc I	X	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	0	28
4	Nguyễn Văn Anh	CN Bạc II	X	X	X	0	X	X	X	X	0	X	X	X	X	28
5	Nguyễn Thanh	CN Bạc I	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	0	30
....	.....															
15	Hà Văn Phong	CN Bạc I	X	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	29
<b>Tổng cộng</b>															<b>410</b>	

Giám đốc  
 (Ký, họ tên)  
 Nguyễn Công Diễm

Người lập phiếu  
 (Ký, họ tên)  
 Nguyễn Thị Thư

Ngày 31 tháng 08 năm 2013  
 Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)  
 Lê Thu Hiền

**Bảng 2.15: Bảng chấm công**

Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh  
 Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam

**BẢNG CHẤM CÔNG**

Bộ phận: Đội thi công

Công trình: Trường TNDTMN Nam Giang

STT	Họ và tên	Chức vụ	NGÀY TRONG THÁNG											TỔNG CÔNG		
			1	2	3	4	5	6	7	...	29	30	31			
1	Phan Thanh Hải	TT	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	30
2	Trần Bá	CN Bạc I	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	30
3	Lê Quốc Bảo	CN Bạc I	X	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	29
4	Nguyễn Văn Anh	CN Bạc II	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	30
5	Nguyễn Thanh	CN Bạc I	X	X	X	X	X	X	0	X	X	X	X	X	0	27
...	.....															
15	Hà Văn Phong	CN Bạc I	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	30
<b>Tổng cộng</b>																
																<b>440</b>

Giám đốc  
 (Ký, họ tên)  
 Nguyễn Công Điểm

Người lập phiếu  
 (Ký, họ tên)  
 Nguyễn Thị Thu

Ngày 30 tháng 09 năm 2013  
 Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)  
 Lê Thu Hiền

**Bảng 2.16: Bảng chấm công**

Phòng kế toán căn cứ vào bảng chấm công đã được xác nhận và căn cứ vào đơn giá trong hợp đồng giao khoán để tính tiền lương phải trả cho công nhân tham gia thi công công trình

Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh  
 Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG**  
**Quý III năm 2013**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng ngày công trong quý III	Đơn giá	Thành Tiền
1	Phan Thanh Hải	TT	88	110.000	9.680.000
	Trần Bá	CN Bạc I	91	90.000	8.190.000
	Lê Quốc Bảo	CN Bạc I	86	90.000	7.740.000
	Nguyễn Văn Anh	CN Bạc II	86	90.000	7.740.000
	Nguyễn Thanh	CN Bạc I	86	90.000	7.740.000
	.....	.....	.....	.....	.....
	Hà Văn Phong	CN Bạc I	89	90.000	8.010.000
	Tổng cộng		<b>1283</b>		<b>117.230.000</b>

Giám đốc  
 ( ký, họ tên )  
 Nguyễn Công Điểm

Người lập phiếu  
 ( ký, họ tên )  
 Nguyễn Thị Thư

Ngày 30 tháng 9 năm 2013

Kế toán trưởng  
 ( ký, họ tên )  
 Lê Thu Hiền

**Bảng 2.17: Bảng thanh toán tiền lương**

Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh  
Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam

Mẫu số:S02a-DN  
(QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 04

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

DVT: Đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Trả lương cho công nhân trực tiếp sản xuất tháng 07	622	334	39.530.000	
Trả lương cho công nhân trực tiếp sản xuất tháng 08	622	334	37.500.000	
Trả lương cho công nhân trực tiếp sản xuất tháng 09	622	334	40.200.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>117.230.000</b>	

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)  
Nguyễn Thị Thu

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)  
Lê Thu Hiền

**Bảng 2.18: Chứng từ ghi sổ**

Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh  
Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam

Mẫu số:S02a-DN  
(QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 03

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

DVT: Đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	154	622	117.230.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>117.230.000</b>	

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)  
Nguyễn Thị Thu

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)  
Lê Thu Hiền

**Bảng 2.19: Chứng từ ghi sổ**

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**  
**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

Mẫu số: S02a-DN  
 (QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

**SỔ CÁI**

Quý III năm 2013

Tên TK: 622

Công trình: Trường TNDTMN Nam Giang

ĐVT: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh trong tháng			
30/09	04	31/07	Trả lương cho công nhân trực tiếp sản xuất tháng 07	334	39.530.000	
30/09	04	31/08	Trả lương cho công nhân trực tiếp sản xuất tháng 08	334	37.500.000	
30/09	04	30/09	Trả lương cho công nhân trực tiếp sản xuất tháng 09	334	40.200.000	
30/09	03	30/09	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	154		117.230.000
<b>Cộng số phát sinh</b>					<b>117.230.000</b>	<b>117.230.000</b>
<b>Số dư cuối tháng</b>						

Người ghi sổ  
 (Ký, họ tên)  
 Nguyễn Thị Thu

Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)  
 Lê Thu Hiền

Giám đốc  
 (Ký, họ tên)  
 Nguyễn Công Điềm

**Bảng 2.20: Sổ cái**

### 2.2.3.3 Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

#### a. Nội dung

- Trong doanh nghiệp xây lắp, khối lượng công việc diễn ra với quy mô lớn, cường độ cao. Do vậy sức sản xuất của con người đôi khi không đáp ứng được nhu cầu của công việc. Do đó việc sử dụng máy móc phục vụ cho quá trình thi công là một yếu tố quan trọng giúp công ty tăng năng suất lao động, đẩy nhanh tiến độ thi công, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao chất lượng công trình.

- Hiện nay công ty trang bị nhiều máy móc công nghệ mới và hiện đại phục vụ cho thi công. Máy thi công bao gồm: xe lu, xe ủi, máy khoan, máy đào... Chi phí sử dụng máy thi công bao gồm: chi phí nguyên liệu, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí tiền lương, chi phí bảo hiểm cho công nhân điều khiển máy thi công...

#### b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 623 "chi phí sử dụng máy thi công"

#### c. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sử dụng máy thi công

Máy thi công sử dụng cho công trình, hạng mục công trình nào thì hạch toán cho công trình đó, trường hợp máy thi công sử dụng cho nhiều công trình thì kế toán tiến hành phân bổ theo tiêu thức chi phí nhân công trực tiếp.

Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh  
Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG CHO CÔNG NHÂN ĐIỀU KHIỂN  
MÁY THI CÔNG  
Quý III năm 2013**

Công trình : Trường TNĐTMN Nam Giang

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng ngày công trong quý III	Đơn giá	Thành tiền
1	Bùi Văn Hội- CB 012	CN bậc 1	90	90.000	8.100.000
2	Nguyễn Ngọc- CB 013	CN bậc 1	91	90.000	8.190.00
<b>Tổng cộng</b>					<b>16.290.000</b>

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Giám đốc (Ký, họ tên) Nguyễn Công Điềm	Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Lê Thu Hiền	Người lập phiếu (Ký, họ tên) Nguyễn Thị Thu
--	---	---

**Bảng 2.21: Bảng tính lương BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho công nhân  
điều khiển máy thi công**

Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh  
Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam

**BẢNG TÍNH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH  
Quý III năm 2013**

DVT: Đồng

STT	Tên tài sản	Thời hạn sử dụng	Nguyên giá	Mức khấu hao quân bình tháng	Mức khấu hao quân bình quý
	<b>Số khấu hao tài sản cố định dùng cho công trình</b>		<b>778.811.576</b>	<b>5.918.905</b>	<b>17.756.715</b>
1	Xe ủi	7 năm	70.823.200	843.133	2.529.399
2	Xe lu	7 năm	89.132.680	1.061.103	3.183.309
3	Máy khoan	12 năm	93.061.714	646.261	1.938.783
4	Máy đào Hitachi UH74	15 năm	304.365.412	1.690.919	5.072.757
5	Máy trộn bê tông	11 năm	221.428.570	1.677.489	5.032.467

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Lê Thu Hiền	Người lập phiếu (Ký, họ tên) Nguyễn Thị Thu
---	---

**Bảng 2.22: Bảng tính khấu hao tài sản cố định**

Cách tính:

$$\text{Mức trích khấu hao hằng năm} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Số năm sử dụng}}$$

$$\text{Mức trích khấu hao hằng tháng} = \frac{\text{Mức trích khấu hao năm}}{12 \text{ tháng}}$$

$$\text{Mức trích khấu hao hằng quý} = \frac{\text{Mức trích khấu hao năm}}{4 \text{ tháng}}$$

Ngày 10/09/2013, bộ phận thi công công trình Trường TNDTMN Nam Giang gửi phiếu yêu cầu xuất nhiên liệu để vận hành máy thi công gồm: Dầu 140 với số lượng 30 lít; Dầu diesel với số lượng 750 lít; Dầu 90 với số lượng 42 lít; xăng với số lượng 40 lít. Yêu cầu cấp ngày 12/09/2013.

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**  
**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

**PHIẾU ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ**

Ngày 10 tháng 09 năm 2013

Tôi tên là: Bùi Văn Hội – Công nhân điều khiển máy thi công

Địa chỉ: CB – 012

Công trình: Trường TNDTMN Nam Giang

Kính đề nghị BGĐ công ty cho tôi được yêu cầu xuất nhiên liệu cụ thể như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Dầu 140	Lít	30		
02	Dầu diesel	Lít	750		
03	Dầu 90	Lít	42		
04	Xăng	Lít	40		
<b>Tổng cộng</b>					

Tam Kỳ, ngày 30 tháng 09 năm 2013

Giám đốc  
(Ký, họ tên)  
Nguyễn Công Diễm

Người đề nghị  
(Ký, họ tên)  
Bùi Văn Hội

**Bảng 2.23: phiếu đề nghị xuất vật tư**

Sau khi được ban lãnh đạo duyệt, phòng kế toán dựa vào giấy yêu cầu xuất vật tư sẽ lên bảng dự trù cấp vật tư cho công trình. Cụ thể: Dầu 140 với số lượng 30 lít; Dầu diesel với số lượng 750 lít; Dầu 90 với số lượng 42 lít; xăng với số lượng 40 lít, đồng thời lập phiếu xuất kho để tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm.

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**

**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

Mẫu số:02-VT

(QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 12 tháng 09 năm 2013

Số: 2/X                      Nợ TK:623

Tên và địa chỉ người nhận: Bùi Văn Hội      Có TK: 152

Địa chỉ: CB – 012

Lý do: Xuất nguyên liệu để vận hành máy thi công

Xuất tại kho: Nguyên vật liệu.      Địa điểm: Công ty Cổ phần An Thịnh

ĐVT: Đồng

S T T	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
01	Dầu 140	Lít	30	30	15.000	450.000
02	Dầu diesel	Lít	750	750	14.500	10.875.000
03	Dầu 90	Lít	42	42	14.205	596.610
04	Xăng	Lít	40	40	18.900	756.000
<b>Tổng cộng</b>						<b>12.677.610</b>

Số tiền bằng chữ: Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm mười đồng y.

Chứng từ gốc kèm theo: Phiếu đề nghị xuất vật tư

Ngày 12 tháng 09 năm 2013

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Lan

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Bùi Văn Hội

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lê Thu Hiền

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Nguyễn Công Diễm

**Bảng 2.24: Phiếu xuất kho**

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**

**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

**PHIẾU CHI TIỀN MẶT**

Ngày 25 tháng 08 năm 2013

Số phiếu: PC 01

Người nhận tiền: Nguyễn Anh Phước

Đơn vị: Thợ sửa máy ủi

Địa chỉ:

Số tiền: 1.500.000 đồng

Bằng chữ: Một triệu năm trăm nghìn đồng y.

Về khoản: Thanh toán tiền sửa máy ủi

Kèm theo: 3 chứng từ gốc

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Nguyễn Công Diễm

Lê Thu Hiền

Nguyễn Thị Lan

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu năm trăm nghìn đồng y.

Ngày 25 tháng 08 năm 2013

Thủ quỹ

Người nhận tiền

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Mai Thị Hương

Nguyễn Anh Phước

**Bảng 2.25: Phiếu chi tiền mặt**

Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh  
Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam

Mẫu số:S02a-DN  
(QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 05

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

ĐVT: Đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xuất nhiên liệu sử dụng cho máy thi công	623	152	12.677.610	2/x
Trả lương bảo hiểm cho công nhân điều khiển máy thi công	623	334	16.290.000	
Trích khấu hao máy thi công	623	214	17.756.715	
Chi tiền mặt sửa máy ủi	623	111	1.500.000	Pc 01
<b>Tổng cộng</b>			<b>48.224.325</b>	

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)  
Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)  
Lê Thu Hiền

**Bảng 2.26: Chứng từ ghi sổ**

Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh  
Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam

Mẫu số:S02a-DN  
(QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 03

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

ĐVT: Đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công	154	623	48.224.325	
<b>Tổng cộng</b>			<b>48.224.325</b>	

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)  
Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)  
Lê Thu Hiền

**Bảng 2.27: Chứng từ ghi sổ**

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**  
**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

Mẫu số: S02c1-DN  
 (QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

**SỔ CÁI**

Quý III năm 2013

Tên TK: Chi phí sử dụng máy thi công

Số hiệu TK: 623

Công trình: Trường TNĐTMN Nam Giang

ĐVT: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh trong tháng			
30/09	05	12/09	Xuất nhiên liệu dùng cho máy thi công	152	12.677.610	
30/09	05	30/09	Trả lương cho công nhân điều khiển máy thi công	334	16.290.000	
30/09	05	30/09	Trích khấu hao máy thi công	214	17.756.715	
30/09	05	25/08	Chi tiền mặt sửa chữa máy ủi	111	1.500.000	
30/09	03	30/09	Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công	154		48.224.235
<b>Cộng số phát sinh</b>					<b>48.224.235</b>	<b>48.224.235</b>
<b>Số dư cuối tháng</b>						

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người ghi sổ  
 (Ký, họ tên)  
 Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)  
 Lê Thu Hiền

Giám đốc  
 (Ký, họ tên)  
 Nguyễn Công Điềm

**Bảng 2. 28: Sổ cái**

*2.2.3.4 Kế toán chi phí sản xuất chung*

a. Nội dung

Chi phí sản xuất chung là toàn bộ chi phí liên quan tới sản xuất, quản lý sản xuất và một số các chi phí liên quan đến tổ đội thực hiện thi công công trình. Bao gồm các khoản mục: chi phí tiền lương cho các bộ phận quản lý, các khoản trích theo lương BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của nhân viên quản lý và công

nhân trực tiếp xây lắp, chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 627 "chi phí sản xuất chung"

c. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp trực tiếp, chi phí sản xuất chung phát sinh ở công trình, hạng mục công trình nào thì được tập hợp cho công trình, hạng mục công trình đó.

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**

**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

Mẫu số:02-VT

(QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 27 tháng 09 năm 2013

Số: 5/X                      Nợ TK:627

Người nhận: Nguyễn Đình Thi                      Có TK: 152

Bộ phận: Phân xưởng

Lý do: Xuất kho vật liệu dùng cho phân xưởng

Xuất tại kho: Nguyên vật liệu.

ĐVT: Đồng

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Dây điện	m	1.400	6.000	8.400.000
02	Ống nước A-09	m	800	18.000	14.400.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>22.800.000</b>

Số tiền bằng chữ: Hai mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng y.

Ngày 27 tháng 09 năm 2013

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Bùi Anh Tuấn

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Đình Thi

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lê Thu Hiền

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Nguyễn Công Diễm

**Bảng 2.29: Phiếu xuất kho**

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**

**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

**BẢNG TÍNH KHẤU HAO VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ CHO  
CÔNG TRÌNH TRƯỜNG TNĐTMN NAM GIANG**

Quý III năm 2013

ĐVT: Đồng

Chi tiêu	Thời gian sử dụng	Nguyên giá	Số khấu hao quý
Máy hàn điện	6 năm	34.729.000	1.447.042
Xe tải	10 năm	520.000.000	13.000.000
			14.447.042

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Công Điểm	Lê Thu Hiền	Nguyễn Thị Thu

**Bảng 2.30: Bảng tính khấu hao và phân bổ khấu hao TSCĐ cho công trình  
Trường TNĐTMN Nam Giang**

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**

Mẫu số 01GTKT2/003

**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

Ký hiệu HĐ : AX/2010N

Số : 00368

### **HÓA ĐƠN (GTGT)**

(Liên 2 giao cho khách hàng)

Ngày 10 tháng 09 năm 2013

Công ty điện lực Quảng Nam

Địa chỉ: 02 Phan Châu Trinh – Tam Kỳ

Số tài khoản: 102010000401599

Điện thoại: 05102210209

Tên khách hàng:

Tên đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh

Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam

Số tài khoản: .....

Hình thức thanh toán: Tiền mặt      Mã số thuế: 4000111333

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Điện năng tiêu thụ	Số lượng Đơn giá	Thành tiền
323.850.000	322.200.000	1.650	1000	1.650.000
<i>Thuế GTGT: (10%)</i>				165.000
<b>Tổng cộng</b>				<b>1.815.000</b>

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng y.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**Bảng 2.31: Hóa đơn GTGT**

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**

**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

**PHIẾU CHI TIỀN MẶT**

Ngày 25 tháng 09 năm 2013

Số phiếu: PC 10

Người nhận tiền: Nguyễn Thanh

Địa chỉ: Công ty Cổ phần An Thịnh

Lý do: Chi trả tiền điện

Số tiền: 1.815.000 đồng

Bằng chữ: Một triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng y.

Kèm theo: 3 chứng từ gốc

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Nguyễn Công Điềm

Lê Thu Hiền

Nguyễn Thị Lan

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng y.

Ngày 25 tháng 09 năm 2013

Thủ quỹ

Người nhận tiền

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Mai Thị Hương

Nguyễn Thanh

**Bảng 2.32: Phiếu chi tiền mặt**

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**

**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ KHÁC BẰNG TIỀN MẶT**

Quý III năm 2013

Chứng từ		Nội dung	Số tiền
Số	Ngày		
PC 04	18/07/2013	Chi phí vận chuyển bốc dỡ	850.000
PC 05	19/08/2013	Chi phí trả tiền tiếp khách	1.050.000
PC 08	23/08/2013	Chi phí khác	5.600.000
PC 10	25/09/2013	Chi phí trả tiền điện	1.815.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>9.315.000</b>

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lê Thu Hiền

**Bảng 2.33: Bảng tổng hợp chi phí khác bằng tiền mặt**

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**  
**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

**BẢNG CHẤM CÔNG**  
**Bộ phận: Quản lý công trình**  
**Công trình: Trường TNĐTMN Nam Giang**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày trong tháng								TC
			1	2	3	4	5	...	29	30	
1	Ngô Tào	Kỹ thuật	x	x	x	x	x	...	0	x	30
2	Lê Nhân	Kỹ thuật	x	x	x	x	x	...	x	x	30

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

Người lập phiếu  
 (Ký, họ tên)  
 Nguyễn Thị Thu

Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)  
 Lê Thu Hiền

Giám đốc  
 (Ký, họ tên)  
 Nguyễn Công Điềm

**Bảng 2.34: Bảng chấm công**

Phòng kế toán căn cứ vào bảng chấm công đã được xác nhận và căn cứ vào đơn giá trong hợp đồng giao khoán để tính tiền lương cho nhân viên quản lý công trình .

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**  
**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG**  
**Bộ phận: Quản lý công trình**  
**Quý III năm 2013**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng ngày công trong quý III	Đơn giá	Thành tiền
1	Ngô Tào	Kỹ thuật	90	120.000	10.800.000
2	Lê Nhân	Kỹ thuật	91	120.000	10.920.00
<b>Tổng cộng</b>					<b>21.720.000</b>

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Giám đốc  
 (Ký ,họ tên)  
 Nguyễn Công Điềm

Người lập phiếu  
 (Ký ,họ tên)  
 Nguyễn Thị Thu

Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)  
 Lê Thu Hiền

**Bảng 2.35: Bảng thanh toán tiền lương**

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**

**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

**BẢNG TÍNH BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ**

**Quý III năm 2013**

Bộ phận	Lương	Người sử dụng lao động (23%)				
		BHXH (17%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	KPCĐ (2%)	338 (23%)
CNTT Sản Xuất	117.230.000	19.929.100	3.516.900	1.172.300	2.344.600	26.962.900
CN Lái máy	16.290.000	2.769.300	488.700	162.900	325.800	3.746.700
Bộ phận QLCT	21.720.000	3.692.400	651.600	217.200	434.400	4.995.600
<b>TC</b>	<b>155.240.000</b>					<b>35.705.200</b>

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

Nguyễn Công Diễm

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Lê Thu Hiền

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thu

**Bảng 2.36: Bảng tính BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ**

Căn cứ vào những chứng từ gốc ở trên, kế toán lập chứng từ ghi sổ vào sổ cái TK 627

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**

**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

Mẫu số: S02a-DN

(QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 06

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

ĐVT: Đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xuất vật liệu dùng ở phân xưởng	627	152	22.800.000	5/X
Trả lương cho công nhân quản lý công trình	627	334	21.720.000	
Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	627	338	35.705.200	
Trích khấu hao TSCĐ dùng ở phân xưởng	627	214	14.447.042	
Chi phí khác bằng tiền mặt	627	111	9.315.000	
<b>Tổng cộng</b>			<b>103.987.242</b>	

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)  
Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)  
Lê Thu Hiền

**Bảng 2.37: Chứng từ ghi sổ**

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**

Mẫu số: S02a-DN

**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

(QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

### **CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 03

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

DVT: Đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí chi phí sản xuất chung	154	627	103.987.242	
<b>Tổng cộng</b>			<b>103.987.242</b>	

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Lan

Lê Thu Hiền

**Bảng 2.38: Chứng từ ghi sổ**

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**  
**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

Mẫu số: S02c1-DN  
 (QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

**SỔ CÁI**

Quý III năm 2013

Tên TK: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu TK: 627

Công trình: Trường TNDTMN Nam Giang

ĐVT: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh trong tháng			
30/09	06	27/09	Xuất vật liệu dùng ở phân xưởng	152	22.800.000	
30/09	06	30/09	Trả lương cho công nhân quản lý công trình	334	21.720.000	
30/09	06	30/09	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (23%)	338	35.705.200	
30/09	06	30/09	Trích khấu hao TSCĐ ở phân xưởng	214	14.447.042	
30/09	06	30/09	Chi phí khác bằng tiền mặt	111	9.315.000	
30/09	03	30/09	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	154		103.987.242
<b>Cộng số phát sinh</b>					<b>103.987.242</b>	<b>103.987.242</b>
<b>Số dư cuối tháng</b>						

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người ghi số  
 (Ký, họ tên)  
 Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)  
 Lê Thu Hiền

Giám đốc  
 (Ký, họ tên)  
 Nguyễn Công Điềm

**Bảng 2.39: Sổ cái**

### 2.2.3.5 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành phẩm

Công ty tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cho từng công trình, hạng mục công trình theo từng tháng, quý hoặc năm tùy theo mức độ hoàn thành của công trình, hạng mục công trình.

Cuối kỳ toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung được tập hợp vào bên Nợ 154 “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” để tính giá thành công trình.

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**

**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

### **BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Quý III năm 2013

Công trình : Trường TNDTMN Nam Giang

Chứng từ		Nội dung	TK	Số tiền
Ngày	Số			
30/09		Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	621	388.470.000
30/09		Chi phí công nhân trực tiếp	622	117.230.000
30/09		Chi phí sử dụng máy thi công	623	48.224.325
30/09		Chi phí sản xuất chung	627	103.987.242
<b>Tổng cộng</b>				<b>657.911.567</b>

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lê Thu Hiền

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Nguyễn Công Điềm

**Bảng 2.40: Bảng tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh**

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**

**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

Mẫu số: S02a-DN

(QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 07

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

DVT: Đồng

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn	632	154	657.911.567	
<b>Tổng cộng</b>			<b>657.911.567</b>	

g)

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)  
Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)  
Lê Thu Hiền

**Bảng 2.41: Chứng từ ghi sổ**

Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh  
 Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam

Mẫu số: S02c1-DN  
 (QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

**SỔ CÁI**

Quý III năm 2013

Tên TK: Tập hợp chi phí sản xuất

Số hiệu TK: 154

Công trình: Trường TNDTMN Nam Giang

DVT: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			<b>Số phát sinh trong tháng</b>			
30/09	07	30/09	Kết chuyển CPNVLT	621	388.470.000	
30/09	07	30/09	Kết chuyển CPNCTT	622	117.230.000	
30/09	07	30/09	Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công	623	48.224.325	
30/09	07	30/09	Kết chuyển CPSXC	627	103.987.242	
30/09	08	30/09	Kết chuyển giá thành thực tế công trình hoàn thành	632		657.911.567
<b>Cộng số phát sinh</b>					<b>657.911.567</b>	<b>657.911.567</b>
<b>Số dư cuối tháng</b>						

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người ghi sổ  
 (Ký, họ tên)  
 Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)  
 Lê Thu Hiền

Giám đốc  
 (Ký, họ tên)  
 Nguyễn Công Điềm

**Bảng 2.41: Sổ cái**

Xuất phát từ yêu cầu của công ty, công ty tham gia thi công nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất cũng chính là đối tượng tính giá thành đó là Trường TNĐTMN Nam Giang.

Kỳ tính giá thành phụ thuộc vào thời gian hoàn thành công trình của công ty thi công. Giá thành công trình được tính theo quý III.

Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành theo phương pháp trực tiếp :

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành} & & \text{tổng giá trị} & & \text{tổng chi phí} & & \text{tổng giá trị} \\ \text{sản phẩm} & = & \text{sản phẩm dở} & + & \text{phát sinh} & - & \text{sản phẩm dở} \\ \text{hoàn thành} & & \text{đang đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{đang cuối kỳ} \end{array}$$

Kết thúc công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành công trình , kế toán lập một thẻ tính giá thành đối với công trình trường thanh niên dân tộc miền núi Nam Giang.

**Đơn vị: công ty Cổ phần An Thịnh**  
**Địa chỉ: 15 Hùng Vương – Tam Kỳ - Quảng Nam**

**THẺ TÍNH GIÁ THÀNH**  
 Công trình Trường TNĐTMN Nam Giang

DVT: đồng

STT	Khoản mục chi phí	Tổng giá trị SPDD đầu kỳ	Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	Tổng giá trị SPDD cuối kỳ	Tổng giá thành sản phẩm
01	Chi phí NVLTT	0	388.470.000	0	388.470.000
02	Chi phí NCTT	0	117.230.000	0	117.230.000
03	Chi phí sử dụng MTC	0	48.224.325	0	48.224.325
04	Chi phí SXC	0	103.987.242	0	103.987.242
<b>Tổng cộng</b>		<b>0</b>	<b>657.911.567</b>		<b>657.911.567</b>

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người lập phiếu  
 (Ký, họ tên)  
 Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)  
 Lê Thu Hiền

Giám đốc  
 (Ký, họ tên)  
 Nguyễn Công Diễm

**Bảng 2.43: Thẻ tính giá thành**

Đối với công trình này, do không có giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ nên giá thành công trình cũng chính là chi phí công trình.

Toàn bộ công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần An Thịnh được tiến hành như trên.

## CHƯƠNG 3

# MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

### 3.1 Đánh giá thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty

#### 3.1.1 Đánh giá chung về công tác kế toán

##### 3.1.1.1 Những ưu điểm về công tác tổ chức kế toán, bộ máy kế toán

Tình hình sản xuất kinh doanh ở công ty đã đi sâu vào hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình. Công ty ngày càng mở rộng quan hệ hợp tác, mở rộng địa bàn hoạt động để từng bước khẳng định vị trí của mình trong nền kinh tế thị trường. Công ty ra đời trong một lĩnh vực có thể đòi hỏi phải vững mạnh trong rất nhiều yếu tố đặc biệt là nguồn vốn. Trong khi đó có rất nhiều công ty xây dựng công trình lớn và chủ đầu tư là nhà nước, đây là một khó khăn rất lớn của công ty. Tuy nhiên trong thời gian qua có thể nói công ty hoạt động tương đối hiệu quả, từng bước khẳng định mình. Để có được những thành tựu như vậy là do sự cố gắng của mỗi thành viên trong công ty.

- Về tổ chức bộ máy kế toán:

Với tổ chức kế toán gọn nhẹ, đặc biệt có sự phân công chức năng, nhiệm vụ của từng kế toán một cách rõ ràng, phù hợp với trình độ chuyên môn của từng người. Cán bộ kế toán làm việc đúng đắn, nhiệt tình, năng động, nhiều kinh nghiệm cộng với trình độ chuyên môn cao trong công tác kế toán đã giúp họ luôn hoàn thành công việc được giao, tích cực đấu tranh những sai trái.

- Do đặc điểm tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý của công ty các phòng ban, các phân xưởng đều tập trung ở một khu vực gần nhau nên công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Vì vậy đã đảm bảo được sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của công tác kế toán, giúp kế toán trưởng kiểm tra chỉ đạo nghiệp vụ, xử lý và cung cấp các thông tin kế toán một cách chính xác.

- Hình thức kế toán:

Hiện nay công ty áp dụng nhiều hình thức kế toán “chứng từ ghi sổ” để ghi sổ và sử dụng phần mềm kế toán của Công ty Cổ phần An Thịnh. Việc sử dụng hình thức kế toán này đã tận dụng được những ưu điểm và cập nhật được toàn bộ nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, đơn giản, cung cấp kịp thời các thông tin kinh tế tài chính cho lãnh đạo. Dễ dàng kiểm tra, truy cập số liệu khi cần thiết thuận tiện cho việc lập báo cáo hằng năm.

- Các quy định về phương pháp hạch toán:

Thực hiện đúng theo quy định về pháp lệnh, kế toán thống kê do nhà nước ban hành giúp cho công ty phản ánh được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách chính xác và đầy đủ. Tập hợp tất cả các khoản mục chi phí đầu tư và quá trình sản xuất kinh doanh để tính giá thành sản phẩm. Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân bổ lợi nhuận đầy đủ, chính xác.

#### *3.1.1.2 Những nhược điểm về tổ chức công tác kế toán, bộ máy kế toán*

Bên cạnh những ưu điểm đã nêu ở trên, công ty còn tồn tại một số nhược điểm sau:

- Về bộ máy kế toán:

Nhân sự ở phòng kế toán hiện nay vẫn chưa đủ nên dẫn đến tình trạng nhiều nhiệm vụ, nhiều công việc. Nhân viên kế toán phải thường xuyên làm việc bên ngoài nhiều. Vấn đề này công ty nên có những biện pháp phù hợp để giải quyết áp lực công việc.

- Về luân chuyển chứng từ:

Do thời gian thi công công trình lâu dài và các đội thi công công trình hoạt động trên các địa bàn rộng nên việc luân chuyển các chứng từ thường bị chậm trễ, dẫn tới việc ghi chép chứng từ hằng ngày theo đúng ngày phát sinh chứng từ không kịp thời gian và bị dồn tích dẫn đến những sai sót khó tránh khỏi như: ghi thiếu, ghi nhầm ảnh hưởng đến việc cung cấp thông tin cho người quản lý ra quyết định và đồng thời ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

### **3.1.2 Đánh giá về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần An Thịnh**

#### **3.1.2.1 Những ưu điểm về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty**

Về cơ bản, công ty đã thực hiện tốt việc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty. Công ty đã tập hợp chi phí cho từng công trình, hạng mục công trình một cách chính xác rõ ràng phục vụ cho yêu cầu và phân tích hoạt động kinh tế của công ty. Công tác kiểm kê khối lượng xây lắp dở dang được kế toán của công ty tổ chức một cách khoa học và cung cấp số liệu một cách chính xác, kịp thời.

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Nguyên vật liệu trong kho luôn được quản lý chặt chẽ và cung cấp đầy đủ cho các công trình, hơn nữa nguyên vật liệu mua về sử dụng ngay cho các công trình nên thuận tiện cho kế toán ghi sổ nhanh chóng, dễ dàng, giảm bớt chi phí quản lý của công ty.

- Chi phí nhân công trực tiếp: Tại công ty kế toán công trình theo dõi chi phí nhân công một cách chặt chẽ, chính xác thông qua bảng chấm công, bảng nghiệm thu khối lượng hoàn thành. Cuối tháng kế toán lập bảng thanh toán tiền lương cho từng đối tượng giúp cho việc quản lý số nhân công trong và ngoài đội công ty cụ thể, rõ ràng.

- Chi phí sử dụng máy thi công : qua bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công đã đánh giá được chính xác giá trị phục vụ của máy thi công cũng như chi phí sử dụng máy tạo điều kiện thuận lợi trong tính giá thành .

- Chi phí sản xuất chung: Chia thành nhiều khoản mục nhỏ tiện lợi cho việc quản lý, khoản chi phí này được kế toán hạch toán riêng cho các công trình đó nên tương đối chính xác, nhanh chóng và hiệu quả, giúp cho công tác tính giá thành hoàn thiện hơn.

Công ty tính giá thành cho từng công trình, hạng mục công trình cho từng năm, quý hoặc theo mức độ hoàn thành tùy từng công trình nhằm thuận lợi cho việc tập hợp chi phí phát sinh trong từng quý một cách nhanh chóng. Tình hình

thực hiện giá thành vừa qua hết sức dễ dàng, hiệu quả luôn đảm bảo mục tiêu hạ giá thành nâng cao hiệu quả sản xuất, ổn định đời sống lao động, tăng doanh thu.

### *3.1.2.2 Những nhược điểm về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty*

Tuy đạt được những kết quả nói trên nhưng công ty vẫn gặp không ít khó khăn, tồn tại vướng mắt trong công tác hạ giá thành sản phẩm.

Việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty áp dụng phương pháp trực tiếp, việc tập hợp chi phí đơn giản mang tính riêng của ngành xây dựng.

Do công ty tổ chức thi công nhiều công trình lớn nhỏ khác nhau tại các địa điểm khác nhau và nhu cầu sử dụng vật tư tại các công trình đó là thường xuyên. Do đó việc theo dõi cấp vật tư xuất dùng hằng ngày theo từng phiếu xuất vật tư ở từng kho công trình lên phòng kế toán công ty là rất khó khăn và phức tạp, tình hình thực tế hiện nay vật tư sử dụng trong ngành xây dựng là rất đa dạng về chủng loại, giá cả luôn biến động, vật liệu cung cấp cho sản xuất thi công, dựa trên tiến độ thi công, vật liệu mua vào được xuất dùng ngay cho công trình. Nhưng mỗi công trình, hạng mục công trình đều có định mức khối lượng vật tư cụ thể, định mức này do phòng kế hoạch kinh tế kỹ thuật lập dựa trên cơ sở giá dự toán thiết kế và điều kiện thi công từng công trình cụ thể. Do đặc điểm riêng của sản phẩm xây lắp nên kế toán nguyên vật liệu còn rất nhiều hạn chế, bên cạnh đó địa bàn kinh doanh và đấu thầu của công ty xa trụ sở công ty làm việc, vì vậy chứng từ hóa đơn ở các đội gửi về thường bị chậm. Do đó việc kiểm tra sản phẩm dở dang cuối kỳ cũng khó có thể tiến hành kiểm tra tất cả các công trình, do vậy việc xác định sản phẩm dở dang chỉ ở mức độ tương đối.

Chi phí nhân công trực tiếp: Công nhân chủ yếu là thuê ngoài nên chi phí này chiếm một phần không nhỏ trong khoản chi phí nhân công trực tiếp.

Chi phí sản xuất chung: khoản mục này được kế toán tập hợp riêng cho từng công trình và theo dõi riêng cho từng công trình. Khi tập hợp chi phí sản xuất chung, kế toán tập hợp cả những nội dung kinh tế thuộc tài khoản 623 về

phần tiền thuê máy thi công làm cho khoản mục chi phí sản xuất chung chiếm tỷ trọng cao trong giá thành công trình.

Mặt khác các khoản cho thuê xe vận chuyển nguyên vật liệu là khá cao, việc đưa đến các công trình là khó khăn vì công trình ở xa, địa hình đi lại không thuận lợi. Nên làm cho các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài của công ty lớn, vì vậy việc hạ giá thành công ty chưa đạt hiệu quả cao.

### **3.2 Một số ý kiến góp phần hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần An Thịnh**

Với những tồn tại nêu trên cùng với tình hình thực tế tại công ty, kết hợp giữa thực tế và kết hợp những kiến thức được trang bị trong nhà trường, em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hạn chế điểm yếu, góp phần hướng tới việc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm nhằm đem lại hiệu quả trong quá trình sản xuất tại công ty.

- Về công tác kế toán:

Công ty cần không ngừng đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên kế toán, đặc biệt là trang bị về những kiến thức, về hệ thống kế toán hiện hành, về kiểm toán. Bởi vì đó là những hành trang không thể thiếu đối với những người làm kế toán trong giai đoạn đổi mới như hiện nay.

Công ty nắm bắt và không ngừng tham gia các lớp tập huấn các chương trình kế toán và quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý. Đây là việc vừa nhanh vừa gọn về quản lý trong công việc hạch toán kế toán giúp quản lý doanh nghiệp đầy đủ, chính xác kịp thời, thường xuyên. Do đó công ty cần đào tạo và nâng cao trình độ sử dụng máy vi tính cho tất cả nhân viên kế toán và từng bước đưa vào phần mềm tính dụng.

Công ty cần chú trọng vào mối quan hệ giữa các phòng để có hiệu quả hơn. Những phòng nào có liên quan với nhau cần phân trách nhiệm cụ thể tránh sự ỷ lại và cần có sự giúp đỡ lẫn nhau. Tránh trường hợp làm cho công việc trở nên phức tạp thêm, phải có sự thống nhất giữa các bộ phận liên quan vì như thế không những các phòng có nhiệm vụ nhẹ hơn mà còn tăng hiệu quả công việc.

- Về luân chuyển chứng từ:

Đây là khâu hạch toán cần hoàn thiện ban đầu nhằm mục đích kiểm tra tính hợp pháp của chứng từ, phát hiện ngăn chặn kịp thời những hiện tượng vi phạm chính sách, chế độ tài chính. Để khắc phục tình trạng luân chuyển chứng từ chậm trễ dẫn đến công việc chèn ép vào cuối kỳ dễ mắc sai lầm, thiếu sót trong tính toán, không cập nhật sổ sách đúng quy định thì công ty có thể đơn đốc kế toán công trình nộp chứng từ về ban kế toán công ty theo đúng thời gian quy định, đưa ra những quy định, những hình thức khiển trách và kỉ luật đối với những trường hợp không tuân thủ đồng thời khuyến khích các cán bộ nhân viên nâng cao tinh thần trách nhiệm tích cực chủ động, sáng tạo trong lao động bằng các hình thức khen thưởng phù hợp. Ngoài ra công ty nên cử nhân viên thường xuyên xuống các công trình để giám sát, kiểm tra việc ghi chép cập nhật chứng từ... nhằm phát hiện những tiêu cực có thể xảy ra. Chứng từ phải lập theo mẫu thống nhất được quy định trong chế độ ghi chép ban đầu, phải được bảo quản nơi an toàn, lưu trữ theo thời gian nhà nước quy định và đảm bảo tính hợp pháp của từng chứng từ.

- Về hình thức ghi sổ:

Hiện nay công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Nếu trong tương lai công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển quy mô hoạt động rộng thì nên thay đổi hình thức “nhật ký chung”, vì hình thức này dễ thao tác trên máy, luôn sử dụng chương trình phần mềm kế toán, tạo điều kiện cho nhân viên kế toán dễ dàng kiểm tra đối chiếu chi phí theo chứng từ gốc.

- Phương pháp quản lý và hạch toán chi phí sản xuất:

❖ Chi phí nguyên vật liệu:

Chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỉ lệ không nhỏ trong giá thành sản phẩm, do đó quản lý chặt chẽ đối với nguyên vật liệu là một yêu cầu cần thiết đặt ra đối với doanh nghiệp.

Mặt khác vật liệu mua về được xuất dùng ngay cho công trình, căn cứ vào chứng từ của đội đưa về kế toán tập hợp thẳng vào tài khoản 621. Nhưng thực tế có nhiều vật tư chưa đưa vào sản xuất thì công ngay mà còn nằm ở công trình, để khắc phục nhược điểm này công ty phải xây dựng quy chế chặt chẽ nhằm giảm

tới mức tối thiểu hao hụt trong khâu bảo quản vận chuyển và khâu thi công. Sau khi công trình hoàn thành, số nguyên vật liệu sử dụng không hết thì kế toán phải theo dõi và thu hồi nhập lại kho để ghi giảm giá trị nguyên vật liệu sử dụng cho công trình nhằm đánh giá chính xác giá thành công trình, hạng mục công trình.

❖ Chi phí nhân công trực tiếp :

Để giảm chi phí nhân công trực tiếp đòi hỏi công ty cần sử dụng những biện pháp nâng cao năng suất lao động:

- Cải thiện quy trình công nghệ để giảm thời gian lao động hao phí cho một đơn vị sản phẩm.

- Có biện pháp nhằm khuyến khích người lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, giảm bớt các thao tác thừa (nếu có).

Ngoài ra, công ty nên thực hiện việc trích trước tiền lương nghỉ phép cho công nhân. Nếu trong kỳ bất ngờ có công nhân nghỉ phép nhiều thì chi phí nhân công trực tiếp sẽ tăng lên trong khi năng suất lao động giảm xuống kéo theo sự biến động về giá thành trong kỳ ảnh hưởng đến kết quả sản xuất. Vì vậy công ty nên trích trước tiền lương nghỉ phép cho công nhân. Kế toán ghi:

Nợ TK 622 : Chi phí nhân công trực tiếp

Có TK 335 : Chi phí phải trả

Đối với công nhân thuê ngoài, để đảm bảo an toàn trong lao động, tăng năng suất lao động, công ty nên có quy định trích một số phần trăm số tiền phải trả cho người lao động có thể là 2%. Trong quá trình thi công, nếu có tai nạn lao động bất ngờ xảy ra thì công ty sẽ có một khoản tiền để hỗ trợ cho người bị nạn. Việc này vừa khuyến khích người lao động làm việc có năng suất, đồng thời nâng cao uy tín của công ty và phù hợp với chế độ bảo hiểm của người lao động. Để thực hiện được điều này thì giữa công ty và người lao động phải có sự thỏa thuận với nhau.

❖ Chi phí sử dụng máy thi công:

Trong tương lai có nhiều máy thi công, kế toán nên hạch toán chi tiết tất cả các khoản mục của máy thi công vào tài khoản chi tiết TK 623. Như vậy công

ty sẽ xác định rõ từng loại chi phí trong giá thành công trình từ đó nâng cao hiệu quả quản lý chi phí.

❖ Chi phí sản xuất chung:

Chi phí sản xuất chung tại công ty hiện nay phát sinh nhiều chủ yếu là chi phí về tiền điện thoại, chi phí tiếp khách,... Đây là vấn đề về công tác quản lý của công ty, lãnh đạo công ty cần có những biện pháp để giảm chi phí về các khoản mục này.

## C. PHẦN KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp hoạt động trong một môi trường luôn biến động, môi trường này vừa tạo ra cơ hội có thể đem lại lợi nhuận nhưng luôn có những rủi ro cho các doanh nghiệp. Sức cạnh tranh của các nền kinh tế cũng như từng doanh nghiệp phụ thuộc lớn vào kinh doanh và hiệu quả kinh doanh. Mỗi doanh nghiệp đều có chiến lược phát triển cũng như phương pháp kế toán riêng nhưng đều có chung mục đích là tối đa hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa chi phí. Để đương đầu với những thử thách, cạnh tranh trong kinh doanh cũng như để đạt được lợi nhuận cao nhất thì mỗi doanh nghiệp phải tự vươn lên khẳng định mình bằng chất lượng sản phẩm. Một trong những công cụ giúp nhà quản trị có thể khai thác triệt để mọi tiềm năng của doanh nghiệp đó là công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Trong đề tài “ Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần An Thịnh”, em đã áp dụng những kiến thức đã học để nghiên cứu thực tế công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Qua thời gian thực tập tại công ty nhìn chung những năm qua công ty đã có sự phát triển mạnh mẽ, tốc độ phát triển mạnh và vững chắc. Quy mô và phạm vi hoạt động của công ty ngày càng được mở rộng. Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm có ý nghĩa rất lớn trong quá trình điều hành và phát triển của doanh nghiệp. Với mục tiêu làm thế nào để chi phí của doanh nghiệp là hợp lý, giá thành ngày càng giảm mà vẫn đạt chất lượng, kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất. Việc tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm một cách chính xác, tính đúng và tính đủ giá thành sản phẩm không những góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho ban quản trị doanh nghiệp đưa ra những quyết định chính xác về giá bán nhằm thu được lợi nhuận tối đa mà còn góp vai trò quan trọng trong việc quản lý cấp phát và sử dụng vốn, một vấn đề có thể là nan giải đối với sự tăng trưởng của nền kinh tế nước ta hiện nay.

Do thời gian thực tập ngắn nên việc nắm bắt thực tế còn hạn chế , vì vậy không thể tránh khỏi những sai sót nhưng em luôn được sự tận tình hướng dẫn của cô Nguyễn Thị Thắm cùng với sự quan tâm giúp đỡ của anh chị phòng kế toán của công ty đã giúp em học hỏi được nhiều kinh nghiệm điều đó sẽ giúp ích nhiều cho khả năng làm việc sau này của em. Vì vậy , với tư cách là một sinh viên còn trên giảng đường đại học , em chỉ mong bài viết này có thể nêu lên một số vấn đề có tính chất khái quát trên cơ sở lý thuyết đã học và thực tiễn hoạt động của công ty .

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Nguyễn Công Phương (2012), Kế toán tài chính doanh nghiệp, Đại học kinh tế, Đà Nẵng.
2. Ths. Trần Thị Tài (2012), Kế toán tài chính doanh nghiệp, Khoa kinh tế, Đại học Quảng Nam.
3. PGS.TS. Nguyễn Văn Công (2007), Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính, NXB Tài Chính, Hà Nội.
4. Huỳnh Thị Kim Ngân (2012), Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, Trường Cao Đẳng CKN Đông Á, Quảng Nam.
5. Khodetai.com